

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
KHOA DU LỊCH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH DU LỊCH

Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy
Mã ngành : 7810101

Thanh Hóa, năm 2023

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Số: 834/QĐ-DVTDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học
hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THANH HÓA

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDĐT ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2: Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học hệ chính quy được áp dụng cho các khoá tuyển sinh, bắt đầu từ năm 2023.

Điều 3: Các đơn vị phòng Quản lý Đào tạo, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, các ông/bà Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thục

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 20 NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHTH ngày 14 tháng 6 năm 2023
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá - Thể thao và Du lịch Thanh Hoá)

TT	Tên Chương trình đào tạo
1.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non
2.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc
3.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật
4.	Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc
5.	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế thời trang
6.	Chương trình đào tạo ngành Đồ họa
7.	Chương trình đào tạo ngành Du lịch 7.1. Chuyên ngành Quản trị Du lịch 7.2. Chuyên ngành Hướng dẫn Du lịch
8.	Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành
9.	Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn
10.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất
11.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý Thể dục thể thao
12.	Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh
13.	Chương trình đào tạo ngành Luật
14.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước
15.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hoá 15.1. Chuyên ngành Chính sách văn hoá và quản lý hoạt động nghệ thuật 15.2. Chuyên ngành Tổ chức sự kiện 15.3. Chuyên ngành Quản lý di sản văn hoá
16.	Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội
17.	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ truyền thông
18.	Chương trình đào tạo ngành Thông tin Thư viện 18.1. Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học 18.2. Chuyên ngành Văn thư – Lưu trữ 18.3. Chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng
19.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học
20.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 6 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành: Du lịch

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 834/QĐ- ĐVTD ngày 14/ 6/2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa)*

I/. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Du lịch có kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, khoa học xã hội nhân văn và du lịch; có kiến thức chuyên môn vững vàng, chủ động, sáng tạo trong hoạt động hướng dẫn du lịch, thiết kế và điều hành tour du lịch; tổ chức sự kiện du lịch; có phẩm chất đạo đức; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, góp phần đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, khoa học xã hội nhân văn, kinh tế du lịch cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động du lịch, phục vụ công tác hướng dẫn du lịch.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động du lịch.

- PO3: *Hình thành* được năng lực hướng dẫn du lịch, thiết kế, tư vấn và thực hiện chương trình du lịch, tổ chức sự kiện du lịch... đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

- PO4: *Hình thành* được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

II/. THÔNG TIN TUYỂN SINH

2.1/. Hình thức tuyển sinh

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2/. Thời gian đào tạo: 48 tháng

2.3/. Đối tượng tuyển sinh

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

III/. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.

1/. Cấu trúc chương trình đào tạo.

Stt	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức Giáo dục đại cương: 31 TC	Bắt buộc	31
		Tự chọn	0
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: 77 TC		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành: 34TC	Bắt buộc	30
		Tự chọn	04
2.2	Kiến thức chuyên ngành: 43 TC	Bắt buộc	39
		Tự chọn	04
3	Kiến tập, thực tập thực tế, thực hành: 17TC		
	Tổng số tín chỉ của CTĐT:		125 TC

(Yêu cầu đối với khối lượng học tập, cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ và đại học xem tại Điều 7 và Điều 8 của Thông tư Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021).

2/. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo.

2.1/. Khung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				Giờ lý thuyết	Giờ thảo luận, bài tập	Giờ thực hành, thực tế	Tự học	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		31	(không tính tín chỉ GDTC và GDQP-AN)				
1	ĐC001	Triết học Mác - Lê nin The principles of Marxism – Leninism	3	36	9	0	90	Không
2	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Political economics of Marxism and Leninsm	2	24	6	0	60	ĐC001
3	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	6	0	60	ĐC002

		Scientific socialism						
4	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2	24	6	0	60	ĐC003
5	ĐC005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2	24	6	0	60	ĐC004
6	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3	36	9	0	90	Không
7	ĐC007	Pháp luật đại cương Introduction to laws	3	36	9	0	90	Không
8	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	2	24	6	0	60	Không
9	NN001	Tiếng Anh 1 English 1	3	36	9	0	90	Không
10	NN002	Tiếng Anh 2 English 2	3	36	9	0	90	NN001
11	NN003	Tiếng Anh 3 English 3	3	36	9	0	90	NN002
12	ĐC012	Tin học Informatics	3	18	3	48	90	Không
	GDQP	Giáo dục thể chất Physical Education	5					Không
	GDQP	Quốc phòng - An ninh National Defence Education	165 tiết					Không
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		77					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		34					
A	Các học phần bắt buộc		30					
13	DL001	Tổng quan du lịch Tourism overview	3	36	9	0	90	Không
14	QLH003	Kinh tế du lịch Tourism economy	3	36	9	0	90	Không
15	DL002	Văn hóa Du lịch Tourism culture	3	36	9	0	90	Không
16	DL003	Địa lý du lịch Việt Nam Tourism Geography	3	36	9	0	90	DL001
17	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam Vietnamese history process	3	36	9	0	90	Không

18	DL004	Di tích và danh thắng Việt Nam Vietnamese Landscapes and relics	3	27	6	24	90	Không
19	DL009	Văn hóa ẩm thực Culinary culture	3	36	9	0	90	Không
20	QVH002	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam Culture of Vietnamese Ethnic minorities	3	36	9	0	90	ĐC006
21	DL016	Văn hóa giao tiếp Communitive culture	3	18	3	48	90	Không
22	QLH002	Marketing du lịch Tourismmarketing	3	36	9	0	90	Không
B	Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		4					
23	DL012	Du lịch bền vững Sustainable Tourism	2	24	6	0	60	Không
24	QVH007	Văn hóa Đông Nam Á Southeast asian culture	2	24	6	0	60	Không
25	QVH003	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam Vietnamese belief and religion	2	24	6	0	60	Không
26	DL014	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch Application of information technology in tourism	2	15	3	24	60	ĐC012
2.2	Kiến thức chuyên ngành		43					
A	Các học phần bắt buộc		39					
27	DL006	Tuyến điểm du lịch Việt Nam Vietnam tourism routes and sites	3	18	3	48	90	Không
28	DL007	Tâm lý khách du lịch Tourist psychology	3	36	9	0	90	Không
29	TA5031	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 English for tourism 1	3	36	9	0	90	NN003
30	TA5032	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 English for tourism 2	3	36	9	0	90	TA5032
31	QLH008	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch Tour making and operation	3	18	3	48	90	DL006
32	DL008	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	3	18	3	48	90	Không

		Tourism teambuilding skill						
33	QVH022	Tổ chức sự kiện Event management	3	18	3	48	90	Không
34	DL026	Nghề vụ hướng dẫn tại điểm Tourist attraction Presentations Profession	3	18	3	48	90	DL004
35	DL027	Nghề vụ hướng dẫn du lịch Tourist guide profession	3	18	3	48	90	DL006
36	DL013	Du lịch văn hóa Cultural Tourism	3	36	9	0	90	DL001
37	DL 024	Du lịch cộng đồng Community-based tourism	3	36	9	0	90	DL001
38	QKS 004	Thanh toán quốc tế trong du lịch Internatonal payment in tourism	3	27	6	24	90	Không
39	QLH007	Quản trị kinh doanh lữ hành Travel business management	3	36	9	0	90	QLH001
B	Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		4					
40	DL028	Quản lý Nhà nước về du lịch State management of tourism	2	24	6	0	60	Không
41	DL015	Lễ tân ngoại giao Diplomatic protocol	2	24	6	0	60	Không
42	DL023	Kinh doanh du lịch trực tuyến Online tourism business	2	24	6	0	60	ĐC012 QLH003
43	QKS022	Quản trị Du lịch MICE MICE tourism Management	2	24	6	0	60	Không
3	Thực tế, thực tập nghề nghiệp, báo cáo tốt nghiệp		17					
44	DL020	Thực tế nghề nghiệp 1 (Thực tế miền Bắc) Professional practice 1 (Northern field trip)	2	0	0	90	90	Không
45	DL021	Thực tế nghề nghiệp 2 (Thực tế miền Nam) Professional practice 1 (Southern field trip)	2	0	0	90	90	DL021

46	DL017	Thực tập doanh nghiệp 1 Corporate Internship 1	2	0	0	90	90	Không
47	DL018	Thực tập doanh nghiệp 2 Corporate Internship 2	2	0	0	90	90	DL017
48	DL022	Thực tập tốt nghiệp Final internship	6	0	0	270	270	DL017 DL018
49	DL026	Báo cáo tốt nghiệp Graduation report	3	0	0	135	135	DL022
Tổng (Không tính GDTC và QPAN)			125					

2.2/. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								Bộ môn quản lý
				1	2	3	4	5	6	7	8	
I	Kiến thức Giáo dục đại cương: 31TC (không tính GDTC và GDQP-AN)											
1	ĐC001	Triết học Mác - Lê nin The principles of Marxism – Leninism	3	3								GDĐC
2	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Political economics of Marxism and Leninsm	2		2							
3	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2			2						
4	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh’s thought	2				2					
5	ĐC005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2					2				
6	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3		3							
7	ĐC007	Pháp luật đại cương Introduction to laws	3			3						Luật
8	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research	2			2						GDĐC

		method										
9	NN001	Tiếng Anh 1 English 1	3	3								NN
10	NN002	Tiếng Anh 2 English 2	3		3							
11	NN003	Tiếng Anh 3 English 3	3							3		
12	ĐC012	Tin học	3	3								TTTV
	GDTC	Giáo dục thể chất Physical Education	5	2	2	1						GDTC
	GDQP	Quốc phòng - An ninh National Defence Education	165 tiết									
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		77									
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		30									
A	Các học phần bắt buộc		27									
13	DL001	Tổng quan du lịch Tourism overview	3	3								DL
14	QLH003	Kinh tế du lịch Tourism economy	3					3				QTDV- LH
15	DL002	Văn hóa Du lịch Tourism culture	3						3			DL
16	DL003	Địa lý du lịch Việt Nam Tourism Geography	3			3						DL
17	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam Vietnamese history process	3		3							QLVH
18	DL004	Di tích và danh thắng Việt Nam Vietnamese Landscapes and relics	3			3						DL
19	DL009	Văn hóa ẩm thực Culinary culture	3						3			
20	QVH002	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam Culture of Vietnamese Ethnic minorities	3		3							DL
21	DL016	Văn hóa giao tiếp Communitive culture	3					3				DL
22	QLH002	Marketing du lịch Tourismmarketing	3						3			QTDV DL-LH

34	DL026	Nghệp vụ hướng dẫn tại điểm Tourist attraction Presentations Profession	3				3					DL
35	DL027	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch Tourist guide profession	3				3					DL
36	DL013	Du lịch văn hóa Cultural Tourism	3				3					DL
37	DL024	Du lịch cộng đồng Community-based tourism	3									DL
38	QKS 004	Thanh toán quốc tế trong du lịch Internatonal payment in tourism	3							3		QTKS
39	QLH007	Quản trị kinh doanh lữ hành Travel business management	3								3	QTDV-LH
B	Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		4							4		
40	QKS023	Quản lý Nhà nước về du lịch State management of tourism	2									DL
41	DL015	Lễ tân ngoại giao Diplomatic protocol	2									DL
42	DL023	Kinh doanh du lịch trực tuyến Online tourism business	2									DL
43	QKS022	Quản trị Du lịch MICE MICE tourism Management	2									QTKS
3	Thực tế, thực tập nghề nghiệp, báo cáo tốt nghiệp		17									
44	DL020	Thực tế nghề nghiệp 1(Thực tế miền Bắc) Professional practice 1 (Northern field trip)	2		2							DL

45	DL021	Thực tế nghề nghiệp 2 (Thực tế miền Nam) Professional practice 1 (Southern field trip)	2						2			DL
46	DL017	Thực tập doanh nghiệp 1 Corporate Internship 1	2				2					DL
47	DL018	Thực tập doanh nghiệp 2 Corporate Internship 2	2						2			DL
48	DL022	Thực tập tốt nghiệp Final internship	6								6	DL
49	DL026	Báo cáo tốt nghiệp Graduation report	3								3	DL
Tổng (Không tính GDTC và QPAN)			125	16	16	16	16	17	16	16	12	

3/. Mô tả tóm tắt học phần.

3.1. *Triết học Mác - Lênin*

3.1.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3.1.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt*

Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được:

- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự phát triển của xã hội;
- Lịch sử hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin đối với đời sống xã hội;
- Những nội dung cơ bản của CN duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3.1.3. *Năng lực cần đạt*

- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn Kinh tế chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và các môn khoa học pháp lý.

3.1.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do GV trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

3.1.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.1.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ GD&ĐT (2021), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

3.1.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2010.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, (Dùng cho đào tạo đại học chuyên ngành Lý luận chính trị, Nxb. Chính trị quốc gia, HN 2008.

3.1.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

3.2. Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin

3.2.1. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ cao đẳng và đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; về kinh tế hàng hóa; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng với thái độ khách quan, trung thực và tin tưởng; đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái về chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

3.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Người học khái quát, trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, tiền tệ; sự ra đời, tồn tại và các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, những thành tựu và hạn chế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay

3.2.3. Năng lực cần đạt:

Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác-Lênin; có khả năng tư duy, phân tích và nhận diện được bản chất của các quan hệ kinh tế, xử lý các quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào các quá trình kinh tế quốc tế; sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng

3.2.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy:

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

3.2.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học:

3.2.5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình *Kinh tế chính trị*: dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.

3.2.5.2. Tài liệu tham khảo:

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Một số chuyên đề Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

3.2.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà, quá trình chuẩn bị phần tự học, phần thảo luận trước khi đến lớp
- Đánh giá giữa học phần: Tự luận
- Đánh giá kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm trên máy tính

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

3.3.1. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ cao đẳng và đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; về kinh tế hàng hóa; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học ý thức tuân

thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng với thái độ khách quan, trung thực và tin tưởng; đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái về chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

3.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Người học khái quát, trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, tiền tệ; sự ra đời, tồn tại và các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, những thành tựu và hạn chế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VN và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay

3.3.3. Năng lực cần đạt

Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác-Lênin; có khả năng tư duy, phân tích và nhận diện được bản chất của các quan hệ kinh tế, xử lý các quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào các quá trình kinh tế quốc tế; sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng

3.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

3.3.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.2.5.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình *Kinh tế chính trị* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) Bộ giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

3.2.5.2. Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Một số chuyên đề Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.

3.3.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà, quá trình chuẩn bị phần tự học, phần thảo luận trước khi đến lớp
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

3.4.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các trường ĐH và CĐCN trong cả nước.

Giúp sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách

mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thể giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển gắn với các thời kì hoạt động của Hồ Chí Minh trong phong trào cách mạng Việt Nam và quốc tế vào đầu và giữa thế kỷ 20. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh nhận định Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh của văn hóa dân tộc Việt Nam, tư tưởng cách mạng Pháp, tư tưởng tự do của Hoa Kỳ, lý tưởng cộng sản Mác-Lênin, tư tưởng văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây và phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.

3.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.

3.4.3. Năng lực cần đạt

- Hiểu rõ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm được nội dung kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm rõ các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa; về đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới đất nước; về văn hóa, đạo đức, con người. Qua đó, sinh viên biết vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống hàng ngày và trong lĩnh vực công tác

- Có bản lĩnh, lập trường vững vàng; có tư duy lý luận và có đạo đức trong sáng.

3.4.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

3.4.5. Danh mục giáo trình và tài liệu dạy học

3.4.5.1. Tài liệu bắt buộc

Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

3.4.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

2. Hồ Chí Minh (1998), *Về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. Hồ Chí Minh, *Về xây dựng con người mới*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

3.4.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

3.5. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

3.5.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các trường ĐH và CĐCN trong cả nước.

Học phần gồm có 4 chương (kể cả chương nhập môn), bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng thông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975 cũng như lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...).

3.5.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)
- Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)
- Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

3.5.3. Năng lực cần đạt

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên nhận rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ

nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giúp sinh viên hiểu rõ nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

- Giúp sinh viên nắm được khái quát nội dung các Đại Hội Đảng, đường lối, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.

3.5.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

3.5.5. Danh mục giáo trình và tài liệu dạy học

3.5.5.1. Tài liệu bắt buộc

Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

3.5.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), *Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN*. Nxb Chính trị - Quốc gia, Hà Nội.

3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3.5.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

3.6. Cơ sở văn hóa Việt Nam

3.6.1. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp các nội dung kiến thức về văn hoá và văn hoá Việt Nam: các vấn đề lý luận chung về văn hoá và văn hoá học; cấu trúc, hình thái, các thành tố và chức năng của văn hoá; diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam từ khi con người xuất hiện đến hiện nay và không gian văn hoá Việt Nam nhằm giúp sinh viên hiểu và nắm vững những hiểu biết

căn bản về văn hoá Việt Nam. Mặt khác, môn học cũng sẽ giúp sinh viên có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

3.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Môn học này hướng đến 3 nội dung chính sau:

- Những vấn đề cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam: văn hóa và văn hóa học; môi trường văn hóa; tiếp xúc và giao lưu văn hóa; những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam.

- Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền - sơ sử; văn hóa Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên; Văn hóa Việt Nam thời tự chủ; Văn hóa Việt Nam từ 1858 đến nay.

- Không gian và các vùng văn hóa Việt Nam: vùng văn hóa Tây Bắc; Vùng văn hóa Việt Bắc; Vùng văn hóa châu thổ Bắc bộ; vùng văn hóa Trung Bộ; vùng văn hóa Tây Nguyên và vùng văn hóa Nam Bộ.

3.6.3. Năng lực cần đạt

- Kỹ năng đọc, phương pháp nghiên cứu, tra cứu tư liệu, phân tích, tổng hợp, và khả năng làm việc theo nhóm và nghiên cứu độc lập.

- Tự xác định các chủ đề nghiên cứu để phục vụ học tập và công tác sau khi ra trường, đủ khả năng nghiên cứu viết các bài tham luận khoa học về văn hóa Việt Nam.

- Tuyên truyền giới thiệu và giữ gìn, khai thác phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Đối với sinh viên sư phạm nghệ thuật, sinh viên âm nhạc, mỹ thuật, phục vụ công tác giảng dạy.

3.6.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.6.5. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo

3.6.5. 1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Văn Dũng (2021), Tập bài giảng *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.6.5. 2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Thêm (2000), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh

2. Trần Quốc Vượng (chủ biên), (2009), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Tái bản lần thứ 11, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3.6.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết/vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

3.7. Pháp luật đại cương

3.7.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ bản giới thiệu những vấn đề chung nhất về Nhà nước và pháp luật; về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, về pháp chế xã hội chủ nghĩa; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước ta hiện nay và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta và pháp luật chuyên ngành. Nghiên cứu đồng thời mối quan hệ biện chứng giữa nhà nước và pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phương pháp tiếp cận pháp luật Việt Nam. Qua đó thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.

3.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Cung cấp cho người học một cách có hệ thống kiến thức pháp luật cơ bản, các khái niệm cơ bản cũng như nâng cao sự hiểu biết về vai trò của nhà nước và pháp luật trong đời sống, hiểu rõ và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật.

- Xác định được vị trí của Pháp luật trong xã hội. Đánh giá được vai trò của Pháp luật trong xã hội. Phân tích được các mối quan hệ của Pháp luật với kinh tế, chính trị và các quy phạm xã hội khác;

- Phân tích được các hiện tượng pháp lý khác. Giải thích các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống;

3.7.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực tranh luận có cơ sở khoa học để giải quyết những VD có liên quan đến PL;
- Năng lực vận dụng kiến thức đã học vào trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật, chính sách, quyền và lợi ích tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày.

- Năng lực tiếp cận với các ngành luật khác trong hệ thống các ngành luật nói chung, đồng thời giúp sinh viên ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của người công dân với nhà nước.

3.7.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

3.7.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.7.5.1. Tài liệu bắt buộc

Hoàng Đình Hiến (2020), Pháp luật đại cương, Tập bài giảng (*Tài liệu lưu hành nội bộ*)

3.7.5.2. Tài liệu tham khảo

1/. Lê Minh Toàn (2005), Pháp luật đại cương Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2/. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2015), Giáo trình pháp luật đại cương.

3/. Vũ Đình Quyền (2007) Pháp luật đại cương

3.7.6. *Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

3.8. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*

3.8.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học cung cấp hệ thống kiến thức lý luận về phương pháp, nguyên tắc và những yêu cầu trong nghiên cứu khoa học; nội dung cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và quy trình tổ chức, triển khai thực hiện đề tài khoa học. Mặt khác, môn học cũng sẽ giúp sinh viên thực hành nghiên cứu đề tài khoa học theo chuyên ngành đào tạo.

3.8.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Các khái niệm về khoa học, phương pháp luận NCKH.

- Nghiên cứu các vấn đề đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, vai trò và ý nghĩa của phương pháp luận NCKH.

- Các quy luật và tiêu chí xác định, đánh giá các sản phẩm khoa học.

- Các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học; phương pháp thực hiện một đề tài khoa học nói chung; quy trình tổ chức quản lý, triển khai đề tài khoa học.

3.8.3. *Năng lực cần đạt*

- Sinh viên thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản như: kỹ năng xây dựng đề cương, cách thức lựa chọn đề tài nghiên cứu, triển khai nghiên cứu ứng dụng vào từng ngành học; rèn luyện phát triển tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu làm việc nhóm, làm việc cá nhân.

- Chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết được đề cương chi tiết (báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học,...).

- Chủ động tìm kiếm và thiết lập các vấn đề nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế liên quan đến chuyên ngành học tập.

3.8.4. *Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.8.5. *Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

3.8.5. 1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Văn Dũng (2021), Tập bài giảng *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.8.5. 2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB GD. Tái bản lần thứ .

2. Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

3.8.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết/vấn đáp
- Đánh giá kết thúc học phần: thi viết tự luận

3.9. Học phần Tiếng Anh 1

3.9.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 3 tín chỉ, là chương trình dành cho đối tượng bắt đầu học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng làm quen ban đầu và những chủ điểm quen thuộc như gia đình, giải trí, học tập, nghi lễ, ăn uống, công việc tương lai, v.v.

3.9.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Hệ thống từ vựng về một số chủ đề như: số đếm, số thứ tự, thông tin cá nhân, nghề nghiệp, gia đình, thời gian, thức ăn, đồ uống, hoạt động thường ngày, đồ dùng gia đình, sở thích...

- Các điểm ngữ pháp cơ bản như: Thời hiện tại đơn giản với động từ tobe, các động từ tình thái, các từ chỉ số lượng, danh động từ, đại từ chỉ thị... và vận dụng những điểm ngữ pháp này vào trong các tình huống giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế.

3.9.3. Năng lực cần đạt

Năng lực Nói:

- Sinh viên có thể giao tiếp trong các tình huống đơn giản và quen thuộc.
- Sinh viên có thể tham gia một cuộc hội thoại đơn giản, mặc dù họ có thể không duy trì được một cuộc hội thoại lâu

Năng lực Nghe:

- Sinh viên có thể hiểu các cụm từ quen thuộc liên quan đến cuộc sống xung quanh (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, việc làm, vv).
- Sinh viên có thể nắm bắt được điểm chính trong các thông báo ngắn gọn, rõ ràng, và đơn giản.

Năng lực Đọc:

- Sinh viên có thể đọc các văn bản rất ngắn và đơn giản. Họ có thể tìm thấy thông tin cụ thể trong các tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, ghi chú, tin nhắn, thư ngắn và thời gian biểu, vv.

Năng lực Viết:

Sinh viên có thể viết những ghi chú, tin nhắn ngắn gọn, đơn giản để diễn đạt các thông tin cơ bản của cuộc sống.

3.9.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)

- PP giảng dạy: Thuyết trình thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết).

3.9.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

**Tài liệu bắt buộc*

[1]. Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010). New Cutting Edge Elementary. Longman

**Tài liệu tham khảo*

[2]. Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội.

[3]. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press.

[4]. Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

3.9.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

3.10. Học phần Tiếng Anh 2

3.10.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 3 tín chỉ. Học phần cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng thông thường và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng ban đầu và những chủ điểm quen thuộc như các hoạt động hàng ngày, sức khỏe, kỷ niệm về một kỳ nghỉ trong quá khứ v.v.

3.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Hệ thống từ vựng về một số chủ đề như: các hoạt động hàng ngày, sức khỏe, kỷ niệm về một kỳ nghỉ trong quá khứ.....

- Các điểm ngữ pháp cơ bản như: There is/there are, thời hiện tại đơn giản với động từ to be và động từ thường, thời quá khứ đơn, thời quá khứ tiếp diễn... và vận dụng những điểm ngữ pháp này vào trong các tình huống giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế.

3.10.3. Năng lực cần đạt

Năng lực Nói:

- Luyện tập kỹ năng nói trước đám đông về các chủ đề: các hoạt động hàng ngày, một kỳ nghỉ trong quá khứ, miêu tả trang phục hàng ngày, các hoạt động bảo vệ sức khỏe...

- Luyện giao tiếp trong nhóm (pairwork, groupwork) như phỏng vấn, tranh luận về một vấn đề hoặc thực hành các tình huống giao tiếp (đi du lịch, tham gia các hoạt động bảo vệ sức khỏe...)

- Thực hành hệ thống từ vựng, các điểm ngữ pháp bằng hoạt động nói theo cặp, theo nhóm.

Năng lực Nghe:

- Sinh viên luyện phát âm đúng các âm cơ bản, luyện trọng âm trong đơn vị từ, cụm từ để hiểu đúng nghĩa.

- SV hiểu nội dung đoạn hội thoại và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung bài.

Năng lực Đọc:

- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu: đọc nắm ý chính của văn bản, đọc để tìm hiểu thông tin chi tiết, đọc và đoán nghĩa từ vựng... qua các đoạn, bài đọc về các chủ đề (các hoạt động hàng ngày, một kỳ nghỉ trong quá khứ, những hoạt động trong quá khứ...)

Năng lực Viết:

Rèn luyện kỹ năng viết từ câu, đoạn đến một văn bản hoàn chỉnh về các chủ đề cụ thể sau khi đã học hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp.

3.10.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)

- PP giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết).

3.10.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

*** Tài liệu bắt buộc**

[1]. Sarah Cunningsworth, Peter Moor (2010). New Cutting Edge Elementary. Longman

*** Tài liệu tham khảo**

[2]. Clive Oxenden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội.

[3]. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press.

[4]. Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

3.10.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

3.11. Học phần Tiếng Anh 3

3.11.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 3 gồm 3 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ trong tiếng Anh bao gồm:

- + Những kiến thức nâng cao về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng.
- + Phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo.

Từ những kiến thức nâng cao, này sinh viên có thể vận dụng để thực hành giao tiếp, làm bài tập tình huống, phát triển các kỹ năng (*Nghe, Nói, Đọc, Viết*) Tiếng Anh giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế

3.11.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Hệ thống từ vựng liên quan đến các chủ điểm được rèn luyện kỹ trong các bài nghe, nói, đọc, viết như: hoạt động giải trí, công việc thường ngày, cảm xúc, ngoại hình, tham vọng và giấc mơ, đặc điểm địa lí...

- Các điểm lý thuyết liên quan đến hệ thống ngữ âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu, cách phát âm –ed,... để vận dụng một cách hiệu quả trong nghe, nói.

- Các điểm ngữ pháp: Thời, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn, tương lai gần, câu khuyên nhủ, câu so sánh, mạo từ, lượng từ...

3.11.3. Năng lực cần đạt

Năng lực Nói:

- Thực hiện các cuộc hội thoại không chuẩn bị trước về những chủ đề như hoạt động giải trí, công việc thường ngày, cảm xúc, ngoại hình, tham vọng và giấc mơ, du lịch, sự kiện đang diễn ra;

Sử dụng ngôn ngữ để giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình du lịch ở nơi ngôn ngữ đó được sử dụng như đặt vé máy bay, đặt phòng, hỏi đường ...;

Kết hợp các cụm từ thành câu và sử dụng các cấu trúc câu tương ứng để miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, ước mơ, hi vọng, tham vọng, đưa ra và giải thích cho đề xuất, lý do, ý kiến, kế hoạch mà mình đã đưa ra;

Tường thuật lại một câu chuyện, một bộ phim đơn giản và bày tỏ cảm xúc, ấn tượng của mình về tác phẩm đó.

Năng lực Nghe:

Nghe hiểu ý chính được truyền tải trong những bài nói về những chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày, trong công việc, học tập, giải trí ...;

Nghe và nắm bắt được những nội dung chính các bài trình bày của sinh viên khác trong lớp theo chủ đề giảng viên giao;

Năng lực Đọc:

Đọc lướt các văn bản tương đối dài (khoảng từ 250 đến 300 từ) để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao;

Đọc hiểu nội dung trong thư cá nhân miêu tả sự kiện, cảm xúc, mong muốn nhằm trao đổi thư với bạn bè nước ngoài;

Đọc hiểu và xác định cấu trúc của một đoạn văn trong tiếng Anh;

Đọc hiểu chi tiết những hướng dẫn sử dụng thiết bị kỹ thuật trong cuộc sống hàng ngày.

Năng lực Viết:

Viết thư cá nhân nhằm mục đích thông báo tin tức, bày tỏ suy nghĩ về một vấn đề cụ thể hay trừu tượng như âm nhạc, điện ảnh hoặc miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, và trình bày cảm xúc, ấn tượng về sự kiện đó;

Viết tóm tắt, viết đoạn văn theo đúng cấu trúc đã học trong đó trình bày ý kiến, quan điểm của mình về vấn đề quan tâm.

3.11.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)

- Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết).

3.11.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Tài liệu bắt buộc

[1]. Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010). New Cutting Edge Elementary. Longman

* Tài liệu bắt buộc

[2]. Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội.

[3]. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press.

[4]. Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

3.11.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

3.12. Tin học Đại cương

3.12.1. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về tin học, máy tính điện tử, phần cứng, phần mềm nói riêng và công nghệ thông tin nói chung. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.

3.12.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows và Sử dụng hệ điều hành Windows 7, 10; Sử dụng tiếng Việt trong windows và bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

Kiến thức và cách sử dụng mạng Internet trong việc truy cập, tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ quá trình học tập.

Kiến thức về cơ bản các ứng dụng khác trong hệ thống phần mềm thuộc hệ điều hành Windows 7, 10.

Kiến thức về bộ Microsoft office 2010 như Word, Excel, Powerpoint.

3.12.3. Năng lực cần đạt

Trên cơ sở nội dung kiến thức lý thuyết của học phần người học vận dụng làm các bài thực hành giúp họ có được kỹ năng, kỹ xảo sử dụng máy tính, khai thác các phần mềm trong máy tính, bảo vệ an toàn dữ liệu đặc biệt là kỹ năng khai thác và sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, bộ phần mềm Microsoft Office và mạng Internet.

Rèn luyện kỹ năng khai thác mạng Internet và hòm thư điện tử.

Rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản, các thao tác cơ bản với các File văn bản, các thao tác định dạng, trang trí, in ấn văn bản, cách tạo bảng trong Word.

Rèn luyện kỹ năng tạo lập và định dạng bảng tính, sử dụng thành thạo các hàm thông dụng của Excel.

Rèn luyện việc tạo các Slide trình chiếu bằng Microsofr PowerPoint.

3.12.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận, thực hành thị phạm.

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp, hướng dẫn thực hành thị phạm và thực hành kỹ năng.

3.12.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.12.5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Hoàng Anh Công (2022), *Tập bài giảng tin học đại cương (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.12.5.2. Tài liệu tham khảo

2. Tô Văn Nam, *Giáo trình tin học đại cương*. Tái bản lần thứ nhất - H. : Giáo dục, 2010.

3. Trí Việt, Hà Thanh, *Tin học văn phòng 2010 tự học Microsoft Excel 2010*, Văn hóa - Thông tin, 2012.

4. Đậu Quang Tuấn, *Tự học Microsoft Word 2010 một cách nhanh chóng và dễ hiểu qua các chủ đề*, Giao thông vận tải , 2011.

5. Đậu Quang Tuấn, *Tự học powerpoint 2010 một cách nhanh chóng và dễ hiểu*, Giao thông vận tải , 2011.

6. <http://www.iigvietnam.com/>

3.12.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài thực hành
- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi trắc nghiệm kết thúc học phần.

3.13. Tổng quan du lịch

3.13.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tổng quan du lịch cung cấp các nội dung kiến thức về du lịch: lịch sử hình thành phát triển du lịch, các quan niệm, khái niệm về du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, các yếu tố cấu thành ngành công nghiệp du lịch cũng như nhu cầu, động cơ loại hình, sản phẩm và tình mùa vụ trong du lịch, những đặc điểm trong lao động ngành du lịch cũng như tác động của du lịch đến các lĩnh vực trong xã hội. Đây là những nội dung cơ bản giúp sinh viên hiểu và nắm vững những hiểu biết căn bản về du lịch cũng như ngành du lịch. Mặt khác, học phần cũng giúp sinh viên hiểu và có định hướng rõ hơn trong học tập của bản thân để đạt được yêu cầu sau tốt nghiệp.

3.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch, phát triển du lịch. Đặc điểm lao động ngành du lịch, sản phẩm du lịch, tính mùa vụ trong du lịch và những tác động của hoạt động du lịch. Vai trò cũng như nhiệm vụ của mỗi người khi tham gia vào hoạt động du lịch trong bối cảnh hiện nay.

3.13.3. Năng lực cần đạt

Có khả năng vận dụng những kiến thức để đọc tra cứu, nghiên cứu tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các tư liệu liên quan đến lĩnh vực du lịch để từ đó hiểu rõ về ngành du lịch.

Có năng lực hiểu, phân tích, đánh giá được những hoạt động trong lĩnh vực du lịch cũng như nghề du lịch.

Từ những kiến thức, kỹ năng có được những sáng tạo trong vận dụng các tri thức đã được học vào việc phân tích, đánh giá những nội dung học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.

3.13.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.13.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.13.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Thị Trúc Quỳnh (2021), Tập bài giảng Tổng quan du lịch (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

3.13.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục du lịch (TS Trần Thị Mai - chủ biên) (2009) Giáo trình Tổng quan du lịch, Nxb lao động xã hội.

2. Trần Thị Thúy Lan (2005), Giáo trình Tổng quan du lịch, Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội, Nxb Hà Nội.

3. Phạm Xuân Hậu (2011), Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Nxb Thông Kê, Hà Nội.

3.13.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà, tích cực tham gia thảo luận...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận, làm Tiểu luận.
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP.

3.14. Kinh tế du lịch

3.14.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế du lịch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Du lịch, Quản trị Khách sạn. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hoạt động du lịch dưới góc độ kinh tế như: Tổng quan về ngành kinh tế du lịch; Cung cầu và thị trường du lịch; Điều kiện phát triển du lịch; Lao động du lịch; Cơ sở vật chất kỹ thuật Du lịch; Tính thời vụ trong Du lịch; Chất lượng dịch vụ du lịch và Hiệu quả kinh tế trong du lịch. Trên cơ sở đó người học có thể hiểu rõ bản chất và rút ra được các quy luật hoặc tính quy luật vận động của các hiện tượng và các quan hệ kinh tế trong phạm vi ngành, có cái nhìn tổng thể về ngành du lịch của một quốc gia dưới góc độ kinh tế. Từ đó đi sâu nghiên cứu ngành du lịch với tính chất của một hệ thống mở, hệ thống du lịch dưới góc độ kinh tế bao gồm nhiều yếu tố cấu thành, có mối liên hệ bên trong cũng như bên ngoài hệ thống với các yếu tố môi trường. Giúp người học có được tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong phạm vi ngành.

3.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được các kiến thức cơ bản về ngành kinh tế du lịch: các khái niệm du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, loại hình và các lĩnh vực kinh doanh du lịch;

Giải thích được các tác động của du lịch đến kinh tế - xã hội, Sự tương tác giữa cung – cầu du lịch, điều kiện để phát triển du lịch, tính thời vụ trong du lịch và các vấn đề kinh tế du lịch như: lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, chất lượng dịch vụ du lịch và hiệu quả kinh tế du lịch.

Vận dụng kiến thức về cung – cầu du lịch, điều kiện phát triển du lịch, ảnh hưởng của thời vụ du lịch để phân tích, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh du lịch phù hợp với sự phát triển của ngành;

Vận dụng kiến thức về lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, chất lượng dịch vụ du lịch để xây dựng chiến lược kinh doanh du lịch và quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3.14.3. Năng lực cần đạt

Hình thành Kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn; Tự chịu trách nhiệm và tự chủ với; Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả của công việc được giao.

Hình thành Trách nhiệm bảo vệ các tài nguyên du lịch, phát triển hoạt động KDDL hướng tới phát triển du lịch bền vững.

Hình thành năng lực phân tích, đánh giá, lập kế hoạch và phát triển hoạt động kinh doanh du lịch phù hợp. Đánh giá hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh du lịch phù hợp với nhu cầu khách du lịch.

3.14.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.14.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.14.5.1. Tài liệu bắt buộc

Lê Thị Bưởi, Lê Thị Ngọc (2022), *Tập bài giảng Kinh tế Du lịch* (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.14.5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Đỉnh, Trần Thị Minh Hòa, (2004), *Giáo trình Kinh tế Du lịch*, NXB Lao động Xã hội,
- Đinh Thị Thu (2022), *Giáo trình Kinh tế Du lịch – Khách sạn*, NXB Hà Nội

3.14.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.15. Văn hóa du lịch

3.15.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa du lịch cung cấp một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, mối liên hệ giữa văn hóa và du lịch; Các tài nguyên văn hóa, di sản văn hóa được khai thác trong du lịch. Những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hóa vào hoạt động kinh doanh du lịch. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch theo hướng bền vững.

3.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết và hiểu được những nội dung cơ bản về văn hóa du lịch: khái niệm; vai trò của văn hóa trong hoạt động du lịch và phát triển du lịch;

Biết và hiểu được những vấn đề về văn hóa trong kinh doanh, quản lý hoạt động DL

Biết và hiểu được những nội dung cơ bản về bảo vệ văn hóa trong phát triển du lịch.
Vận dụng lý thuyết về văn hóa du lịch để phân tích, đánh giá vị trí, vai trò của các giá trị văn hóa trong hoạt động du lịch

Vận dụng những nghiên cứu các tư liệu liên quan đến lĩnh vực văn hóa du lịch để từ đó hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch.

3.15.3. Năng lực cần đạt

Hình thành kỹ năng lập luận, thảo luận nhóm, thuyết trình trước công chúng. Kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá, tìm tòi.

Hình thành năng lực tự học thông qua việc tham gia các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

Có những sáng tạo trong xây dựng thiết kế các chương trình du lịch, trong hoạt động hướng dẫn du lịch.. Đặc biệt là trong việc bảo vệ văn hóa trong phát triển du lịch..

3.15.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.15.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.15.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Thị Trúc Quỳnh (2021), Tập bài giảng Văn hóa du lịch (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

3.15.5.2. Tài liệu tham khảo

- Dương Văn Sáu (2017), *Giáo trình văn hóa du lịch*, Nxb Lao động.
- Nguyễn Phạm Hùng (2017), *Văn hóa du lịch*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
- Trần Diễm Thuý (2009), *Văn hóa du lịch*, Nxb. Văn hóa -Thông tin.

3.15.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận, làm bài tiểu luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.16. Địa lý du lịch Việt Nam

3.16.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Địa lý du lịch cung cấp các nội dung kiến thức cơ bản về địa lý ngành du lịch VN, một số quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc: Vấn đề cốt lõi của Địa lý du lịch Việt Nam chính là tổ chức không gian lãnh thổ du lịch, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch (các yếu tố tài nguyên du lịch, các nhân tố kinh tế xã hội và chính trị, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật). Các quan điểm về tổ chức lãnh thổ du lịch, hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch, nghiên cứu các chỉ tiêu phát triển du lịch. Đây là những nội dung cơ bản giúp SV hiểu và nắm vững những hiểu biết

căn bản về du lịch cũng như ngành du lịch. Mặt khác, học phần cũng giúp sinh viên hiểu và có định hướng rõ hơn trong học tập của bản thân để đạt được yêu cầu sau tốt nghiệp.

3.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về địa lý ngành du lịch. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Sự phân hóa lãnh thổ các vùng du lịch Việt Nam. Nghiên cứu tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của một số quốc gia trong khu vực cho thấy kinh nghiệm phát triển du lịch của các nước, khả năng kết nối du lịch giữa nước ta với các quốc gia lân cận.

3.16.3. Năng lực cần đạt

Có khả năng vận dụng những kiến thức để đọc tra cứu, nghiên cứu tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các tư liệu liên quan đến lĩnh vực du lịch để từ đó hiểu rõ về ngành du lịch.

Có năng lực hiểu, phân tích, đánh giá được những hoạt động trong lĩnh vực du lịch cũng như nghề du lịch.

Từ những kiến thức, kỹ năng có được những sáng tạo trong vận dụng các tri thức đã được học vào việc phân tích, đánh giá những nội dung học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.

3.16.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.16.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.16.5.1. Tài liệu bắt buộc

Tập bài giảng Địa lý du lịch (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa

3.16.5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Minh Tuệ (2010), Giáo trình địa lý du lịch Việt Nam, NXB GDVN
- TS. Trần Nhoãn (2005), Tổng quan du lịch, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
- Sách hướng dẫn du lịch (Vũ Thế Bình – chủ biên) (2012) Non nước Việt Nam, Nxb.Hà Nội.

3.16.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận và tiểu luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.17. Tiến trình lịch sử Việt Nam

3.17.1. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần “Tiến trình lịch sử Việt Nam” trình bày những quan điểm chính thống về lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến ngày nay với các nội dung về chính trị-quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của từng thời kỳ. Qua đó, sinh viên nắm được toàn bộ tiến trình lịch sử của dân tộc, vận dụng kiến thức đã học đối chiếu lịch sử Việt Nam với thế giới, cũng như phục vụ việc nghiên cứu các môn học khác.

3.17.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết được kiến thức cơ bản về quá trình vận động và phát triển của lịch sử Việt Nam. Vận dụng để nghiên cứu, phân tích, đánh giá quá trình vận động của văn hóa Việt Nam trong lịch sử hình thành và phát triển của quốc gia, dân tộc.

3.17.3. Năng lực cần đạt

Năng lực phân biện, nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển văn hoá. Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật khi thực hiện công việc, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

3.17.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.17.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.17.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2014) , Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3.17.5.2. Tài liệu tham khảo

- Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (2017), Các triều đại Việt Nam, Nxb Thanh niên, Hà Nội
- Lê Mậu Hãn (2014), Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 3 : 1945 – 2000, nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Đinh Xuân Lâm (2003), Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 2 : 1858-1945, nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Trương Hữu Quýnh (2014), Đại cương lịch sử VN, nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Trương Hữu Quýnh (2003), Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 1 : Từ thời nguyên thủy đến năm 1958, nxb Giáo dục, Hà Nội

3.17.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.18. Di tích và danh thắng Việt Nam

3.18.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Di tích và danh thắng Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh trên đất nước Việt Nam, khai thác giá trị của các di tích – danh thắng phục vụ cho hoạt động du lịch, phương pháp xây dựng bài thuyết minh, kỹ năng thuyết minh về di tích và danh lam thắng cảnh phục vụ hoạt động hướng dẫn du lịch.

3.18.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về di tích và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam: khái niệm, đặc điểm, vai trò, các loại hình, nội dung, hình thức, quy mô, tư tưởng nghệ thuật, giá trị của di tích và danh thắng ở Việt Nam.

Có khả năng vận dụng những kiến thức về di tích, danh lam thắng cảnh để viết bài thuyết minh du lịch, phục vụ hoạt động hướng dẫn du lịch, quản trị điểm đến du lịch

3.18.3. Năng lực cần đạt

Có năng lực hiểu, phân tích, đánh giá được khả năng khai thác các giá trị của di tích, danh lam thắng cảnh ở Việt Nam phục vụ du lịch.

Từ những kiến thức, kỹ năng có được những sáng tạo trong vận dụng các tri thức đã được học vào việc phân tích, đánh giá những nội dung học tập các học phần chuyên ngành như: Nghiệp vụ thuyết minh tại điểm, Nghiệp vụ hướng dẫn trên tuyến, Du lịch bền vững....

3.18.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.18.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.18.5.1. Tài liệu bắt buộc

Lưu Thị Ngọc Diệp (2021), *Tập bài giảng Di tích và danh thắng Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.18.5.2. Tài liệu tham khảo

- Dương Văn Sáu (2008), *Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Bùi Thị Hải Yến (2014), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam

3.18.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.19. Văn hóa ẩm thực

3.19.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa ẩm thực là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo các ngành Du lịch (chuyên ngành Quản trị Du lịch, Hướng dẫn du lịch). Học phần cung cấp những kiến thức cho người học những hiểu biết về văn hóa ẩm thực nói chung trên thế giới; văn hóa ẩm thực Việt Nam nói riêng; một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng đối với du lịch Việt Nam; ẩm thực và tôn giáo. Từ đó người học có được khả năng tìm hiểu, nghiên cứu về ẩm thực, đề xuất ý kiến thỏa đáng trong việc nâng cao giá trị ẩm thực, văn hóa ẩm thực; sáng tạo cách chế biến tạo ra sản phẩm ẩm thực có giá trị.

3.19.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được khái niệm về ẩm thực, ẩm thực nói chung, văn hóa ẩm thực VN nói riêng, những nhân tố ảnh hưởng đến ẩm thực và văn hóa ẩm thực, ẩm thực và tôn giáo.

Phân biệt được văn hóa ẩm thực với ẩm thực, văn hóa ẩm thực của một quốc gia; văn hóa ẩm thực các vùng miền, ẩm thực và tôn giáo.

3.19.3. Năng lực cần đạt

Vận dụng hiểu biết về ẩm thực, văn hóa ẩm thực vào cuộc sống...

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu phân tích, đánh giá vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn.

Năng lực làm việc khoa học, năng động, cẩn thận và giao tiếp tốt trong hoạt động du lịch

3.19.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.19.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.19.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Hoàng Minh Khang – TS. Lê Anh Tuấn, Giáo trình *Văn hóa ẩm thực*, Trường Cao Đẳng Du lịch Hà Nội, Hà Nội, 2017.

- Trịnh Xuân Phương, tập bài giảng Văn hóa ẩm thực (tài liệu lưu hành nội bộ) Trường Đại học văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa.

3.18.5.2. Tài liệu tham khảo

Mai Khôi, *Văn hóa ẩm thực Việt Nam*, Nxb Thanh niên, 2001.

3.19.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.20. Văn hóa các dân tộc ít người Việt Nam

3.20.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa các dân tộc ít người Việt Nam là học phần cơ sở ngành Quản lý văn hóa cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết và khái niệm liên quan đến tộc người, văn hóa tộc người, phân tích rõ những đặc trưng văn hóa các dân tộc ở Việt Nam, sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người. Trên cơ sở đó người học có được cái nhìn tổng quan về sự đa dạng cũng như đặc trưng cơ bản của các dân tộc ở các vùng miền khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam.

3.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản: lý luận chung về tộc người, nhận thức tổng quan về các dân tộc ít người ở Việt Nam từ góc độ lịch sử, kinh tế, văn hóa...

Vận dụng những kiến thức về văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam để nhận diện được văn hóa của một số dân tộc tiêu biểu ở từng ngữ hệ khác nhau tại Việt Nam

3.20.3. Năng lực cần đạt

Năng lực nghiên cứu quan sát, đánh giá hiệu quả công việc bản thân, đồng nghiệp trong hoạt động quản lý giữ gìn văn hóa các dân tộc ít người

3.20.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.20.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.20.5.1. Tài liệu bắt buộc

Bé Viết Đăng (2006), *Dân tộc học Việt Nam - Định hướng và thành tựu nghiên cứu (1973 -1998)*, Nxb Khoa học xã hội.

3.20.5.2. Tài liệu tham khảo

- Phan Thị Hương Hạnh (chủ biên) (2012), *Văn hóa Khmer Nam Bộ - Nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật.
- Hoàng Nam (2004), *Văn hóa các dân tộc vùng Đông Bắc Việt Nam*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

3.20.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.21. Văn hóa giao tiếp

3.21.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần văn hóa giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về giao tiếp và văn hóa giao tiếp, ứng xử. Các kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng

nói, kỹ năng viết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, cách sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh tại điểm du lịch và trong các hoạt động du lịch. Những đặc trưng trong văn hóa giao tiếp của người Việt; vai trò của giao tiếp, ứng xử đối với người làm du lịch; những nguyên tắc và phương thức giao tiếp, ứng xử giữa nhân viên ngành du lịch với du khách. Đặc biệt, sinh viên được thực hành các kỹ năng giao tiếp qua đó hình thành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai.

3.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức cơ bản về giao tiếp: Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, các loại giao tiếp, nguyên tắc giao tiếp, các nghi thức giao tiếp cơ bản, ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, hệ thống kiến thức về kỹ năng giao tiếp

3.21.3. Năng lực cần đạt

Vận dụng kiến thức lý thuyết về giao tiếp, sinh viên trực tiếp thực hành thông qua hệ thống bài tập tình huống nhằm hình thành những kỹ năng giao tiếp.

Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình; Giải quyết các vấn đề nảy sinh.

3.21.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.21.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.21.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Tập bài giảng: Văn hóa giao tiếp – tài liệu lưu hành nội bộ của trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

- Nguyễn Văn Đính (chủ biên) (1995), *Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội.

3.21.5.2. Tài liệu tham khảo

- Đinh Văn Đáng (2005), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, Tổng cục Du lịch - Hội đồng biên soạn giáo trình.

- Chu Văn Đức (chủ biên) *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội

3.21.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.22. Marketing du lịch

3.22.1. Tóm tắt nội dung học phần

Marketing du lịch là học phần cung cấp những kiến thức căn bản nhất về Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xu hướng của hoạt động marketing trong xu thế toàn cầu hóa. Học phần marketing du lịch cung cấp cho

người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ; có được kiến thức về hoạt động phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng đồng thời giúp người học nắm bắt được các phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing.

3.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Nắm được khái niệm, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing.
- Nắm được hoạt động nghiên cứu thị trường, cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường kinh doanh dịch vụ.
- Nắm được chiến lược phát triển sản phẩm mới, định giá, phân phối và hoạt động truyền thông marketing du lịch.

3.22.3. Năng lực cần đạt

- Có năng lực vận dụng những kiến thức đã học vào lập kế hoạch Marketing cho một sản phẩm.
- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một kế hoạch Marketing.
- Phát triển năng lực lập luận, thuyết trình trước công chúng.

3.22.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

3.22.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.22.5.1. Tài liệu bắt buộc

Trần Nhật Hải (2019), *Tập bài giảng Marketing du lịch (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.22.5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Minh Đạo, 2009, **Giáo trình Marketing căn bản**, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[2]. Nguyễn Xuân Quang, 2005, **Giáo trình marketing thương mại**, NXB Lao động xã hội.

[3]. Ian Chaston ; Dịch và b.s: Vũ Trọng Hùng, Phan Đình Quyền, 1999, **.Marketing định hướng vào khách hàng**, NXB. Đồng Nai.

[4]. Philip Kotler ; Biên dịch: Vũ Thị Phương Anh, 2003, **Những phương thức sáng tạo, chiến thắng và khống chế thị trường**, NXB. Tp. Hồ Chí Minh.

3.22.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.23. Du lịch bền vững

3.23.1. Tóm tắt nội dung học phần

HP lần trang bị cho người học các kiến thức: Tổng quan tác động nhiều mặt của hoạt động du lịch đối với môi trường (tự nhiên, xã hội và kinh tế) với sự tập trung chú ý phân tích sâu hơn các tác động xấu của du lịch gây ra. Khái quát các vấn đề về du lịch bền vững, đặc điểm của DL bền vững, vai trò của du lịch bền vững với việc bảo vệ tính đa dạng của tự nhiên, bản sắc văn hóa của cộng đồng bản địa cũng như sự phát triển của xã hội. Trên cơ sở các nguyên tắc của DL bền vững, đề xuất các định hướng xây dựng các chính sách phát triển du lịch, các biện pháp kiểm soát tác động môi trường cũng như các phương pháp đánh giá tính bền vững của một lãnh thổ du lịch hoặc một dự án phát triển DL

3.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được các lý thuyết chung Du lịch bền vững, khái niệm, vai trò, đặc trưng, nguyên tắc của du lịch bền vững

Nắm vững những công thức đo tính sự phát triển của du lịch bền vững, các phương pháp làm tăng tính hấp dẫn của điểm du lịch

3.23.3. Năng lực cần đạt

Vận dụng lý thuyết để xây dựng kế hoạch phát triển du lịch. Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, làm việc độc lập trong quá trình xây dựng chương trình du lịch của điều hành tour, hướng dẫn viên. Giải quyết các vấn đề nảy sinh, tự định hướng, thích nghi trong quá trình xử lý nhu cầu khách hàng.

3.23.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.23.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.23.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Phạm Hồng Long, Tập bài giảng Du lịch bền vững, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tài liệu lưu hành nội bộ.

- Nguyễn Đình Hòa (2001), Du lịch bền vững, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội,

3.23.5.1. Tài liệu tham khảo

- Trần Thị Thúy Lan (2007), Giáo trình tổng quan du lịch, Nxb Hà Nội, Hà Nội

3.23.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.24. Văn hóa đông nam Á

3.24.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp các nội dung kiến thức căn bản về khu vực địa lý và đặc trưng văn hoá Đông Nam Á, hướng đến các nội dung chính là: Khu vực Đông Nam Á (Khái quát khu vực Đông Nam Á; quá trình nhận biết khu vực Đông Nam Á; đặc điểm địa lý tự nhiên ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á); Đặc trưng văn hóa Đông Nam Á (Tổ chức sản xuất và đời sống cư dân nông nghiệp; Tổ chức gia đình và xã hội; Nhận thức trí tuệ và đời sống tâm linh); Đặc trưng văn hóa một số nước Đông Nam Á (Philipin, Brunei, Indonexia, Malaixia, Thái Lan, Lào).

3.24.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được kiến thức tổng quan chung về khu vực Đông Nam Á: khái quát khu vực Đông Nam Á; quá trình nhận biết khu vực Đông Nam Á; đặc điểm địa lý tự nhiên ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á; Đặc trưng văn hóa Đông Nam Á: Tổ chức sản xuất và đời sống cư dân nông nghiệp; Tổ chức gia đình và xã hội; Nhận thức trí tuệ và đời sống tâm linh); Đặc trưng văn hóa một số nước Đông Nam Á: Philipin, Brunei, Indonexia, Malaixia, Thái Lan, Lào.

3.24.3. Năng lực cần đạt

Năng lực nghiên cứu quan sát tìm hiểu văn hóa Đông Nam Á và sử dụng tư liệu khai thác được để so sánh và tìm thấy những điểm giống và khác nhau giữa văn hóa các nước trong khu vực Đông Nam Á

3.24.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.24.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.24.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Văn Dũng, Hoàng Thị Thu Hằng (2021), Tập bài giảng Văn hóa Đông Nam Á (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.24.5.2. Tài liệu tham khảo

- Phạm Đức Dương (2000), chủ biên, Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á, NXB KHXH, Hà Nội.
- Nguyễn Tấn Đắc (2008), Văn hóa Đông Nam Á, NXB KHXH, Hà Nội.
- Phạm Đức Dương (2007), Việt Nam - Đông Nam Á, ngôn ngữ và văn hóa, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3.24.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.25. Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam

3.25.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam là học phần cơ sở ngành của ngành Quản lý văn hóa cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết và khái niệm liên quan đến vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam. Khái quát nội dung, giá trị của các tín ngưỡng và tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam cũng như hiện trạng sinh hoạt và quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác tín ngưỡng và tôn giáo.

3.25.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về một số tôn giáo ở Việt Nam: Phật giáo, Đạo giáo, Ki tô giáo, Hồi giáo, Đạo Cao Đài, Đạo Hòa Hảo với lịch sử hình thành, các đặc trưng về giáo lý, giáo luật, lễ nghi và đặc điểm tổ chức giáo hội. Luận giải được tính khoa học và thực tiễn trong quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tín ngưỡng.

3.25.3. Năng lực cần đạt

Năng lực nghiên cứu, tìm hiểu và đánh giá thực trạng công tác tôn giáo, tín ngưỡng để làm cơ sở đề xuất các phương pháp triển khai phù hợp, hiệu quả.

Năng lực đánh giá hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với thực tiễn.

3.25.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.25.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.25.5.1. Tài liệu bắt buộc

Lê Thị Thảo, Tạ Thị Thủy, Tập bài giảng Tín ngưỡng và Tôn giáo Việt Nam, (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.25.5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Quang Hưng (2009), Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802-1883), Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- Luật số: 02/2016/QH14 về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
- Ngô Đức Thịnh, Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam Nxb VHNT, HN 2001
- Đặng Nghiêm Vạn (2001), Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam, Nxb CTQG, Hà Nội.

3.25.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.26. Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch

3.26.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch* là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành du lịch, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng văn bản, cách tổ chức, phân tích tổng hợp dữ liệu, cách sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong hoạt động du lịch, lữ hành. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ trên Internet cho các nghiệp vụ du lịch và lữ hành: Tìm tour, so sánh các tour, tìm kiếm địa điểm, đường đi...

3.26.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết và hiểu các kiến thức cơ bản trong Microsoft Office như: cách xây dựng văn bản lớn; cách tổ chức phân tích - tổng hợp dữ liệu và tìm kiếm hoà vốn trong kinh doanh dịch vụ, sử dụng power point hỗ trợ trong trình chiếu.

Biết và hiểu về các thành phần nghiệp vụ của hệ thống thông tin khách sạn – nhà hàng điện tử, các hệ thống đăng ký tin học, cách sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong hoạt động du lịch.

3.26.3. Năng lực cần đạt

Hình thành kỹ năng soạn thảo các hợp đồng cơ bản trong kinh doanh du lịch, kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong hoạt động du lịch

Vận dụng các kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ hoạt động marketing du lịch, xây dựng thương hiệu du lịch...

3.26.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.26.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.26.5.1. Tài liệu bắt buộc

Đỗ Thị Hằng (2021), Tập bài giảng Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.26.5.2. Tài liệu tham khảo

- “*Computers in Hotels: Concepts and Applications*”, Partho Pratim Seal, Oxford, 2013

- “*OTA Hotel 1.1*”, e-Novate Asia, <https://goo.gl/eHE7eB>

3.26.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.27. Tuyển điểm du lịch Việt Nam

3.27.1. Tóm tắt nội dung học phần

Tuyển điểm du lịch Việt Nam là học phần chuyên ngành quan trọng đối với sinh viên các ngành Du lịch (chuyên ngành Quản trị Du lịch, Hướng dẫn du lịch du lịch) và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp tiếp cận, nghiên cứu lý thuyết về tuyển, điểm du lịch; những kiến thức về địa lý, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của các điểm, tuyển điểm, vùng du lịch Việt Nam; thực hành xây dựng và thuyết minh các tuyển, điểm du lịch ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể áp dụng các kiến thức và kỹ năng vào thực tế trong nghề hướng dẫn viên du lịch cũng như hỗ trợ cho môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thiết kế chương trình tour du lịch.

3.27.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Hiểu được khái niệm du lịch, điểm tham quan, tuyển, khu du lịch, vùng du lịch, các loại hình tài nguyên du lịch như tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, khái quát chung về du lịch Việt Nam về điều kiện tự nhiên, điều kiện nhân văn, tài nguyên du lịch Việt Nam, nguồn nhân lực, cơ sở lưu trú, hạ tầng cơ sở - kỹ thuật, dịch vụ ăn uống phục vụ du lịch.

- Hiểu được điều kiện hình thành và phát triển tuyển, điểm, khu du lịch thuộc quốc gia hay địa phương.

- Hiểu rõ các tiêu chí để hình thành điểm, khu, tuyển du lịch và từ đó biết được các vùng du lịch ở Việt Nam.

3.27.3. Năng lực cần đạt

- Kỹ năng lực thu thập thông tin, xử lý thông tin, số liệu liên quan đến xây dựng tuyển, điểm du lịch, kỹ năng thuyết minh điểm du lịch.

- Năng lực vận dụng kiến thức về tuyển điểm du lịch phục vụ hoạt động thiết kế, điều hành chương trình du lịch, thuyết minh các tuyển điểm du lịch.

- Năng lực làm việc khoa học, năng động, cẩn thận, thân thiện và giao tiếp tốt trong hoạt động du lịch.

3.27.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến), và thực tế tại một số điểm du lịch.

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp, thực tế

3.27.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.27.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Công Hoan, Giáo trình Tuyển điểm du lịch Việt Nam, Trường Đại học Tài chính - Marketing, Tp. HCM.

3.27.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Du lịch (2009), *Non nước Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin,
2. Bùi Thị Hải Yến (2014), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb GD VN.

3.27.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà, tham gia các hoạt động thực tế học phần.
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: Thực hiện một bài thuyết minh về tuyển điểm
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.28. Tâm lý khách du lịch

3.28.1. Tóm tắt nội dung học phần

Tâm lý khách du lịch là học phần chuyên ngành cung cấp những kiến thức tâm lý học ứng dụng vào lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, phổ biến về tâm lý khách du lịch, những hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến khách du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong tiêu dùng du lịch về nhu cầu, sở thích, tâm trạng, động cơ, hứng thú, hành vi tiêu dùng du lịch.... và phân loại tâm lý du khách trên nhiều tiêu chí như: Phân loại theo các yếu tố sinh lý, tâm lý, theo tôn giáo, theo khả năng thanh toán và theo vùng lãnh thổ, theo quốc gia, dân tộc.... Trên cơ sở những hiểu biết tâm lý du khách, học phần góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật giao tiếp cho phù hợp với đặc điểm tâm lý từng loại du khách. Sinh viên biết cách xây dựng các mô hình du lịch đáp ứng được nhu cầu của du khách.

3.28.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm con người nói chung, tâm lý du khách nói riêng về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của tâm lý học du lịch. Những đặc điểm tâm lý của những người hoạt động trong lĩnh vực du lịch, các hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến tâm lý du khách, những đặc điểm tâm lý của du khách trong tiêu dùng du lịch

3.28.3. Năng lực cần đạt

Lập KH kinh doanh, xây dựng mô hình du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách. Vận dụng tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện khả năng phán đoán tâm lý khách du lịch, phân biệt được tâm lý du khách theo các vùng, lãnh thổ, quốc gia.

3.28.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.28.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.28.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Tập bài giảng: Tâm lý khách du lịch – tài liệu lưu hành nội bộ của trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Nguyễn Hữu Thụ (2009) - Tâm lý học du lịch - ĐHQGHN – ĐHKHXH&NV

3.28.5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Minh Đức (2002) Nghệ thuật hiểu thấu tâm lý người khác - NXB Thanh niên

- Hồ Lý Long (2009) GT Tâm lý khách du lịch - Tổng cục du lịch – NXB Lao động

3.28.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.29. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1

3.29.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo các ngành QTKS, DL, QTDVLH. Học phần bao gồm 3 tín chỉ với 09 bài học, cung cấp cho người học ngành du lịch vốn kiến thức về dịch vụ khách sạn, nhà hàng; kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành du lịch (ngữ pháp, từ/cụm từ/thuật ngữ, cấu trúc câu...). Qua đó, người học vận dụng khối kiến thức được học để rèn luyện, nâng cao và thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong lĩnh vực khách sạn-nhà hàng

3.29.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức về dịch vụ kinh doanh khách sạn, nhà hàng và tiếng Anh chuyên ngành du lịch (ngữ pháp, từ/cụm từ/thuật ngữ, cấu trúc câu....)

Khả năng sử dụng kiến thức dịch vụ khách sạn, nhà hàng và tiếng Anh chuyên ngành du lịch để (ngữ pháp, từ/cụm từ/thuật ngữ, cấu trúc câu....) để thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở tất cả các tình huống trong lĩnh vực khách sạn-nhà hàng.

3.29.3. Năng lực cần đạt

Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, làm việc độc lập, cộng tác, tranh luận. Kỹ năng trình bày trước đám đông (nhóm, tổ, lớp).

3.29.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.29.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.29.5.1. Tài liệu bắt buộc

Lê Thanh Hà (2021), Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1, lưu hành nội bộ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa

3.29.5.2. Tài liệu tham khảo

- Đỗ Thị Kim Oanh (2006), *Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành nghiệp vụ lễ tân*, NXB Hà Nội.

- Đỗ Thị Kim Oanh (2005), *Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật phục vụ nhà hàng*, NXB Hà Nội.

- Lê Huy Lâm- Phạm Văn Thuận biên dịch (2005), *Tiếng Anh đàm thoại dành cho nhân viên khách sạn*, NXB TP Hồ Chí Minh

- Lê Huy Lâm- Phạm Văn Thuận – Nguyễn Hữu Tài biên dịch (2004), *Tiếng Anh dành cho nhân viên lễ tân*, NXB TP Hồ Chí Minh.

- Đào Thị Hương (2006), *Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành du lịch*, NXB Hà Nội

3.29.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra

- Đánh giá kết thúc học phần: thi vấn đáp

- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.30. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2

3.30.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2* là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo các ngành QTKS, DL, QTDVLH. Học phần bao gồm 3 tín chỉ với 09 bài học, cung cấp cho người học ngành du lịch vốn kiến thức về lễ hội truyền thống, làng nghề truyền thống, di tích lịch sử và danh thắng...ở Việt Nam; từ/cụm từ/thuật ngữ tiếng Anh trong du lịch. Qua đó, người học vận dụng khối kiến thức được học để rèn luyện, nâng cao và thực hành thành thạo kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh tại các tuyến, điểm du lịch.

3.30.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức về lễ hội truyền thống, làng nghề truyền thống, di tích lịch sử và danh thắng...ở Việt Nam; về tiếng Anh chuyên ngành du lịch (ngữ pháp, từ/cụm từ/thuật ngữ, cấu trúc câu).

Khả năng sử dụng kiến thức lễ hội truyền thống, làng nghề truyền thống, di tích lịch sử và danh thắng...ở Việt Nam; và kiến thức tiếng Anh chuyên ngành du lịch (ngữ pháp, từ/cụm từ/thuật ngữ, cấu trúc câu) để thực hành thành thạo kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh tại các tuyến, điểm du lịch.

3.30.3. Năng lực cần đạt

Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, làm việc độc lập, cộng tác, tranh luận. Kỹ năng trình bày trước đám đông (nhóm, tổ, lớp).

3.30.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.30.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.30.5.1. Tài liệu bắt buộc

Le Thanh Ha (2021), *Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2*, lưu hành nội bộ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa

3.30.2. Tài liệu tham khảo

- Lê Thị Tuyết Mai (2013), *Du lịch lễ hội Việt Nam*, Đại học Văn hóa Hà Nội.

- Lê Thị Tuyết Mai, (2010), *Du lịch văn hoá- lịch sử Việt Nam*, Đại học Văn hóa Hà Nội
- Đào Thị Hương (2006), *Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành du lịch*, NXB Hà Nội

3.30.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.31. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch

3.31.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thiết kế và điều hành chương trình du lịch là môn học chuyên ngành ngành thuộc chương trình đào tạo các ngành: Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bên cạnh cung cấp kiến thức cơ bản về các loại hình tour du lịch, các thành phần cấu thành tour thì môn học tập trung vào các nội dung: Xây dựng lịch trình chi tiết cho các tour du lịch; Xây dựng phương án vận chuyển, lưu trú, ăn uống cho tour du lịch; Xây dựng giá thành và giá bán của tour du lịch; Giới thiệu các bước để điều hành, tổ chức, thực hiện tour du lịch; Đặt các yêu cầu về dịch vụ của tour du lịch; Theo dõi cập nhật thông tin và xử lý tình huống trong quá trình tour du lịch diễn ra.

3.31.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được kiến thức về sự đa dạng của các tour du lịch, thành phần cấu thành tour du lịch; những công việc cơ bản của công tác điều hành du lịch; sự đa dạng của các tình huống phát sinh trong công tác điều hành tour du lịch và biết giải quyết một số tình huống cơ bản trong điều hành du lịch.

3.31.3. Năng lực cần đạt

Khả năng vận dụng kiến thức vào thiết kế và tính giá, điều hành các tour du lịch từ đơn giản đến phức tạp.

Kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn và tự chủ trong việc xây dựng, tính giá và tổ chức điều hành các tour từ đơn giản đến phức tạp; xử lý tình huống phát sinh trong quá trình điều hành tour.

Năng lực đánh giá được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp; đánh giá được tâm lý, nhu cầu của khách hàng để điều chỉnh chương trình du lịch, dịch vụ và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tour diễn ra.

3.31.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.31.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.31.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Nguyễn Văn Mạnh (2009), Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân.

- Hà Nam Khánh Giao, Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành, Nxb. Thống kê.

3.31.5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Công Hoan, Giáo trình Tuyển điểm du lịch Việt Nam, Trường Đại học Tài chính - Marketing, Tp. HCM.

- Tổng cục Du lịch (2009), Non nước Việt Nam, NXB Văn hóa thông tin.

3.31.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.32. Kỹ năng hoạt náo trong du lịch

3.32.1. Tóm tắt nội dung học phần

HP Kỹ năng hoạt náo trong du lịch là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về hoạt náo trong du lịch, các phương pháp gây hoạt náo và các kỹ năng cần thiết như: Hoạt náo, warmup, tập trung du khách, tạo sự hứng khởi, vui vẻ cho du khách, tạo sự thu hút, lôi cuốn người chơi. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng thể hiện sự khéo léo dẫn dắt để thu hút người chơi nhập cuộc vào những hoạt động mà MC tổ chức một cách hứng khởi nhất. Từ đó góp phần mang lại hiệu quả cao nhất trong việc tổ chức chương trình, đem lại giá trị cảm xúc sâu sắc cho người chơi.

3.32.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu những kiến thức chuyên ngành về hoạt náo trong du lịch, các phương pháp gây hoạt náo trong du lịch

Hình thành các kỹ năng hoạt náo trên phương tiện vận chuyển, các kỹ thuật tạo ấn tượng, thu hút du khách. Hình thành kỹ năng tổ chức teambuilding trong du lịch, điều khiển đám đông, dẫn dắt du khách thực hiện theo ý đồ của người hoạt náo.

3.32.3. Năng lực cần đạt

Năng lực tạo năng lượng cho du khách, nghệ thuật tạo sôi động bằng đám đông, cách tạo tiếng cười cho đám đông bằng trò chơi, năng lực sáng tạo kích nhiệt sân khấu, hội trường

3.32.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp, thị phạm mẫu, thực hành.

3.32.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.32.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Chu Quốc Anh, Trần Thị Hồng Điệp, Đỗ Thanh Huyền, Nguyễn Ngọc Khánh, *Cẩm nang teambuilding*, 2020.

- Nguyễn Cương Hiền, *101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch*, NXB. Văn hóa dân tộc.

3.32.5.2. Tài liệu tham khảo

- Thái Trí Dũng (2009), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Thống kê

- Ts Carol A. Fleming (2012), *Cải thiện ngôn ngữ và phong cách nói để trở thành người phát ngôn lưu loát*, Nxb Từ điển Bách Khoa.

- Lowndes, Leil (2009), *Nghệ thuật giao tiếp để thành công*, NXB Lao động xã hội

3.32.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà, tham gia đầy đủ các buổi thực hành, tích cực chuẩn bị nội dung thực hành.

- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra

- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành

- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.33. Tổ chức sự kiện

3.33.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự kiện và tổ chức sự kiện: Khái niệm, phân loại, các thành phần tham gia vào sự kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện và tác động của sự kiện đến một số lĩnh vực của đời sống xã hội, công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện, kết thúc sự kiện. Giúp sinh viên nắm được quy trình trong việc tổ chức một sự kiện. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc phân tích, tổng hợp, đánh giá sự kiện, kỹ năng về lập kế hoạch, dự toán ngân sách và tổ chức các chương trình, sự kiện

3.33.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Những kiến thức cơ bản về tổ chức sự kiện: khái niệm, phân loại, vai trò, các thành phần tham gia, các yếu tố ảnh hưởng, ý nghĩa và tác động, phương pháp xây dựng chương trình, lập các loại kế hoạch và tổ chức thực hiện

3.33.3. Năng lực cần đạt

Khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp vào tổ chức các sự kiện trên thực tế.

Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng đàm phán- thuyết phục.

Kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ phát huy giá trị tích cực của sự kiện trong đời sống văn hóa.

3.33.2. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp thị phạm mẫu, thực hành.

3.33.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.33.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Vũ Thị Huyền (năm 2020), Tập bài giảng học phần tổ chức sự kiện (Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHVH,TT&DL Thanh Hóa)
- Lưu Văn Nghiêm, Tổ chức sự kiện, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2009
- Nguyễn Vũ Hà, TBG Tổ chức sự kiện, Trường CĐ Du lịch Hà Nội, năm 2009

3.33.5.2. Tài liệu tham khảo

- Lưu Kiếm Thanh, *Kỹ năng tổ chức sự kiện*, HV Hành chính Quốc gia, năm 2007
- Nguyễn Nhất Vinh, *Tài liệu tổ chức sự kiện*, năm 2010

3.33.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.34. Nghiệp vụ hướng dẫn tại điểm

3.34.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Nghiệp vụ hướng dẫn tại điểm cung cấp các nội dung kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch tại điểm: khái niệm, quy trình làm việc, yêu cầu cơ bản cũng như những kiến thức cần có của hướng dẫn viên du lịch tại điểm. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần có của hướng dẫn viên du lịch tại điểm: những kỹ năng thuyết minh du lịch, kỹ năng và phương pháp thuyết minh tại điểm, kỹ năng ứng xử đúng mực trong quá trình tác nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống trong thuyết minh.

3.34.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết và hiểu được những nội dung cơ bản về hướng dẫn viên tại điểm. Xác định được vai trò, nhiệm vụ cũng như những kiến thức cần có đối với hướng dẫn viên tại điểm. Hiểu và biết được quy trình làm việc của hướng dẫn viên du lịch tại điểm

Biết và hiểu được các kỹ năng cơ bản cần có của một hướng dẫn viên tại điểm: kỹ năng thuyết minh, kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm, tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin, xử lý tình huống trong tổ chức hướng dẫn.

Vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã nắm được vào xác định các yêu cầu công việc của hướng dẫn viên du lịch tại điểm và triển khai, thực hiện các công việc đó.

3.34.3. Năng lực cần đạt

Có thể phân tích, tổng hợp và đánh giá được tình huống thực tế để lựa chọn phương pháp tổ chức hướng dẫn thăm quan phù hợp. Đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tác nghiệp của thuyết minh viên.

Từ những kiến thức, kỹ năng đó có được những sáng tạo trong quá trình triển khai công việc nhằm đem lại kết quả tốt hơn.

3.34.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến), tại điểm du lịch.
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp, thị phạm mẫu, thực hành.

3.34.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.34.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Thị Trúc Quỳnh (2021), Tập bài giảng Nghiệp vụ hướng dẫn tại điểm (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

3.34.5.2. Tài liệu tham khảo

- Bùi Thanh Thủy (2010), Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Nxb ĐHQG.
- Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương (2000), Giáo trình hướng dẫn du lịch, NXB Thống kê, Hà Nội.
- Bùi Thanh Thủy (2009), 10 kỹ năng tạo nên sự thành công của người hướng dẫn du lịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.34.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.5. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

3.35.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về quy trình và cách thức tổ chức hướng dẫn các chương trình du lịch; nhiệm vụ và trách nhiệm của hướng dẫn viên khi đi hướng dẫn đoàn; các tình huống và cách thức xử lý các tình huống xảy ra trong tour... Theo đó, sinh viên được thực hành các nghiệp vụ và hình thành kỹ năng về đón đoàn, tổ chức hướng dẫn, thuyết minh; xử lý các tình huống cụ thể trong quá trình hướng dẫn. Ngoài ra, học phần có ý nghĩa về khoa học và hoạt động thực tiễn, góp phần hệ thống, bổ sung những vấn đề về lý thuyết và kỹ năng, nghiệp vụ cần có đối với một hướng dẫn viên du lịch.

3.35.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức về quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn; nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch trên tuyến. Khả năng vận dụng kiến thức vào hoạt động hướng dẫn khách du lịch

3.35.3. Năng lực cần đạt

Kỹ năng tổ chức hướng dẫn các chương trình du lịch; Kỹ năng xử lý các tình huống khẩn cấp trong quá trình hướng dẫn tour...

3.35.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp, thị phạm mẫu, thực hành theo tình huống.

3.35.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.35.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Vũ Văn Tuyền (2018), TBG Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
- Bùi Thanh Thúy (2009), Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, NXB ĐHQG Hà Nội
- Bùi Thanh Thủy (2010), 10 kỹ năng tạo nên sự thành công của người hướng dẫn du lịch, Nxb Đại học Quốc gia.
- Nguyễn Cường Hiền, 101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch, Nxb Văn hóa Dân tộc.

3.35.5.2. Tài liệu tham khảo

- Dương Văn Sáu (2017), Giáo trình Văn hóa Du lịch, NXB. Lao Động.
- Trần Văn Mậu (2007), Cẩm nang hướng dẫn du lịch, NXB Giáo dục.
- Bùi Thị Hải Yến (2009), Tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục

3.35.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.36. Du lịch văn hóa

3.36.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Du lịch văn hóa là học phần chuyên ngành quan trọng đối với sinh viên Chuyên ngành hướng dẫn Du lịch. Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp tiếp cận, nghiên cứu lý thuyết về du lịch văn hóa, nhiệm vụ và các nguyên tắc xây dựng du lịch văn hóa, cũng như các điều kiện để phát triển du lịch văn hóa. Bên cạnh đó có kỹ năng nhận biết các giá trị của văn hoá trong du lịch, kỹ năng khai thác các giá trị văn hoá bản địa và nhân loại để có được các sản phẩm du lịch văn hoá có sức hấp dẫn cao, kỹ năng khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá theo các chương trình du lịch. Trên cơ sở đó, sinh

viên có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào trong thực tế nghề hướng dẫn viên du lịch, vào trong quá trình hoạt động du lịch văn hóa ở các địa phương, các cơ sở du lịch.

3.36.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức về du lịch văn hóa: Đặc điểm, nhiệm vụ, nguyên tắc, điều kiện, các loại hình du lịch văn hóa, sản phẩm du lịch văn hóa, nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa trong du lịch

3.36.3. Năng lực cần đạt

- Kỹ năng nhận diện các tài nguyên văn hóa trong du lịch
- Kỹ năng phân biệt du lịch văn hóa với văn hóa du lịch
- Vận dụng để tổ chức, xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa
- Kỹ năng phân tích, đánh giá chất lượng các sản phẩm du lịch văn hóa
- Kỹ năng giao tiếp và giải quyết các vấn đề nảy sinh

3.36.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.36.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.36.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Thị Trúc Quỳnh, Trịnh Xuân Phương, Tập bài giảng Du lịch văn hóa (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.36.5.2. Tài liệu tham khảo

- Dương Văn Sáu, Giáo trình Văn hóa du lịch- Nxb Lao động Hà Nội, 2019
- Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam- Nxb Giáo dục Việt Nam, 1999.

3.36.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.37. Du lịch cộng đồng

3.37.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Du lịch cộng đồng thuộc khối kiến thức chuyên ngành Hướng dẫn du lịch trong chương trình đào tạo Du lịch. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch cộng đồng như khái niệm, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển du lịch cộng đồng đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển du lịch cộng đồng và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình du lịch cộng đồng, tổ chức kinh doanh du lịch hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển Du lịch cộng đồng tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam.

3.37.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được các kiến thức nền tảng về kiến thức về Du lịch cộng đồng như: khái niệm, các hình thức của Du lịch cộng đồng, điều kiện phát triển, mục tiêu, định hướng cũng như những tác động tiêu cực của Du lịch cộng đồng

Nắm vững kiến thức về các loại hình kinh doanh của Du lịch cộng đồng, các tác nhân chính trong phát triển Du lịch cộng đồng. Chủ thể kinh doanh, thị trường mục tiêu của Du lịch cộng đồng.

Nắm vững kiến thức về các bước cần thiết để triển khai mô hình Du lịch cộng đồng

3.37.3. Năng lực cần đạt

Kỹ năng phân tích, đánh giá những điều kiện phát triển Du lịch cộng đồng, những tác động tiêu cực của Du lịch đến kinh tế xã hội. Từ đó, lập kế hoạch và tổ chức hoạt động Du lịch cộng đồng phù hợp.

Kỹ năng vận dụng kiến thức để thiết kế tổ chức kinh doanh Du lịch cộng đồng hiệu quả hiệu quả.

Khả năng vận dụng kinh nghiệm thực tiễn phát triển Du lịch cộng đồng vào thực tiễn nơi công tác

3.37.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.37.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.37.5.1. Tài liệu bắt buộc

Võ Quế (2006), Du lịch cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

3.37.5.2. Tài liệu tham khảo

Đào Ngọc Cảnh (2011), Tổng quan du lịch, Nxb Đại học Cần Thơ.

3.37.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.38/. Thanh toán quốc tế trong du lịch

3.38.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thanh toán quốc tế trong du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và cách chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia trong hoạt động ngoại thương nói chung và kinh doanh du lịch quốc tế nói riêng; Cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế trong hoạt động du lịch như:

séc du lịch, thẻ thanh toán, phiếu du lịch; các phương thức thanh toán quốc tế trong du lịch như: phương thức chuyển tiền, phương thức ghi sổ, phương thức nhờ thu...

3.38.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- SV nhận biết một số đồng tiền ngoại tệ mạnh, thông dụng trong hoạt động thương mại quốc tế; Ý nghĩa của tỷ giá hối đoái và cách chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia.

- Sinh viên hiểu bản chất và quy trình thanh toán đối với các phương tiện thanh toán trong hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế như: séc du lịch, thẻ thanh toán, phiếu du lịch. Phân tích ưu, nhược điểm của từng phương tiện thanh toán quốc tế.

- Sinh viên hiểu bản chất và quy trình thanh toán đối với các phương thức thanh toán trong hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế như: phương thức chuyển tiền, phương thức ghi sổ, phương thức nhờ thu... Phân tích ưu, nhược điểm của từng phương thức thanh toán quốc tế.

3.38.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực chuyên môn: Hiểu và áp dụng được những kiến thức môn học vào thực tiễn giải quyết các vấn đề trong phạm vi ngành du lịch như: Chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia trong hoạt động du lịch quốc tế; Sử dụng và chấp nhận thanh toán các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng hiện nay. Các thực hiện các phương thức thanh toán trong kinh doanh du lịch quốc tế.

- Năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập, biết phân tích, tổng hợp thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan để đúc kết kinh nghiệm và hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.

- Năng lực tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Năng lực tự chủ: khả năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề, tương tác và giao tiếp với cá nhân, tập thể để tạo ra sản phẩm phục vụ cộng đồng.

3.38.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận, bài tập nhóm.

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp, hướng dẫn làm bài tập nhóm và trình bày bài tập nhóm.

3.38.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

1. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lặng (2004), Giáo trình kinh tế quốc tế, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.

2. Vũ Diễm Hà, Lương Ngọc Linh (2006), Giáo trình nghiệp vụ thanh toán, NXB Hà Nội, Hà Nội.

3. Trần Thị Minh Hòa (2011), Thanh toán quốc tế trong du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

4. ThS.Thân Tôn Trọng Tín, PGS.TS Lê Thị Mận (2011), Thanh toán quốc tế, NXB Lao động xã hội.

3.38.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn

- Đánh giá quá trình: Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, ý thức nghe giảng, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, làm bài tập ở nhà đầy đủ...
- Đánh giá thi giữa kỳ: Làm bài thi giữa kỳ hoặc bài tập nhóm
- Đánh giá thi kết thúc học phần: Thi tự luận

3.39. Quản trị kinh doanh lễ hành

3.39.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị kinh doanh lễ hành là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành và ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lễ hành; Các nội dung cơ bản của kinh doanh lễ hành; Cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lễ hành; Quan hệ giữa nhà cung cấp với nhà kinh doanh lễ hành; Tổ chức kinh doanh của đại lý lễ hành; Xây dựng chương trình du lịch; Tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện chương trình du lịch; Môi trường kinh doanh, chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp lễ hành và Kinh doanh lễ hành ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học có kiến thức tổng thể về hoạt động kinh doanh lễ hành. Từ đó, đi sâu nghiên cứu hoạt động quản trị kinh doanh lễ hành. Giúp người học có được tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định các vấn đề mang tính chiến lược trong doanh nghiệp kinh doanh lễ hành

3.39.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh doanh lễ hành: các khái niệm kinh doanh lễ hành, các nội dung cơ bản của kinh doanh lễ hành; môi trường kinh doanh lễ hành.

Giải thích được các tác động của quản trị tới hoạt động kinh doanh lễ hành để giải quyết được các vấn đề của học tập và thực tiễn hoạt động chuyên môn.

3.39.3. Năng lực cần đạt

Vận dụng được các kiến thức quản trị kinh doanh lễ hành; các mối quan hệ trong kinh doanh lễ hành; phương pháp kinh doanh lễ hành; môi trường, chiến lược, chính sách kinh doanh vào doanh nghiệp lễ hành để lập luận, phân tích, đánh giá và xây dựng được kế hoạch, quản lý được các hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng làm việc nhóm; làm việc độc lập theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn; Trách nhiệm bảo vệ các nguồn lực du lịch để hoạt động kinh doanh lễ hành phát triển bền vững.

Kỹ năng giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp lễ hành; Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3.39.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.39.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.39.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Trần Tiến, (2022), Tập bài giảng Quản trị kinh doanh lữ hành (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.39.5.2. Tài liệu tham khảo

- Phạm Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Bùi Xuân Nhàn, (2009), Marketing du lịch, NXB Thống kê

3.39.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.40. Quản lý Nhà nước về du lịch

3.40.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý nhà nước về du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản lý của nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch (Quản lý quy hoạch phát triển du lịch; Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; Quản lý kinh doanh du lịch; Quản lý hướng dẫn du lịch; Xúc tiến du lịch; Hợp tác quốc tế về du lịch; Thanh tra, kiểm tra du lịch)

3.40.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về: quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và các nội dung của quản lý nhà nước về du lịch.

Có năng lực nhận thức được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, từ đó vận dụng vào phân tích, tổng hợp các vấn đề trong việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

3.40.3. Năng lực cần đạt

Có năng lực hiểu, phân tích, đánh giá được những hoạt động về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch và áp dụng các kiến thức đó vào công tác quản lý sau khi ra trường. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý nhà nước về du lịch.

Từ những kiến thức, kỹ năng có được những sáng tạo trong vận dụng các tri thức đã được học dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các quy định cơ bản về quản lý nhà nước về du lịch.

3.40.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.40.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.40.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Thị Trúc Quỳnh (2022), Tập bài giảng *Quản lý nhà nước về du lịch* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

3.40.5.2. Tài liệu tham khảo

- Tổng cục du lịch (TS Trần Thị Mai - chủ biên) (2009) *Giáo trình Tổng quan du lịch*, Nxb lao động xã hội.

- Trần Thị Thúy Lan (2005), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội, Nxb Hà Nội.

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 19/6/2017.

3.40.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.41/. Lễ Tân ngoại giao.

3.41.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Lễ tân ngoại giao thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch). Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các nghi thức ngoại giao, lễ tân nhà nước (đối nội và đối ngoại), lễ tân ngoại giao trong hoạt động đối ngoại. Trên cơ sở đó đi sâu vào việc nghiên cứu các nghiệp vụ chủ yếu trong lễ tân ngoại giao như: nghiệp vụ như đón tiếp đoàn khách nước ngoài, Tổ chức sự kiện ngoại giao, Tiệc chiêu đãi ngoại giao. Giúp người học có thể tự nghiên cứu và ứng dụng vào lĩnh vực du lịch - ngành đặc biệt liên quan nhiều đến công tác đối ngoại/có yếu tố nước ngoài, định hướng và phát triển nghề nghiệp chuyên môn.

3.41.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được nguyên tắc và nội dung cơ bản của nghi thức, lễ tân nhà nước (đối nội và đối ngoại), lễ tân ngoại giao. để giải quyết được các vấn đề của học tập và thực tiễn hoạt động chuyên môn.

Vận dụng được các kiến thức về nghi thức ngoại giao để thực hiện tốt nghi thức đón tiếp đoàn khách nước ngoài, tổ chức sự kiện ngoại giao và tổ chức chiêu đãi ngoại giao đúng nghi thức, linh hoạt trong xử lý các vấn đề và phát triển hoạt động chuyên môn.

3.41.3. Kỹ năng đạt được.

Kỹ năng làm việc nhóm; làm việc độc lập theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn; Có ý thức, tác phong và trách nhiệm với nhiệm vụ chuyên môn, hướng tới phát triển du lịch bền vững.

Kỹ năng vận dụng để giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong hoạt động chuyên môn.

3.41.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Giảng viên thuyết trình vấn đề.
- Sinh viên trao đổi, thảo luận
- Các phương pháp được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần được giảng viên áp dụng gồm: Thuyết trình, Phát vấn, thảo luận, semina, tạo môi trường tương tác giữa người học và người dạy

3.41.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Bưởi, (2022), *Tập bài Lễ tân ngoại giao* (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
2. Phùng Công Bách,(2009), *Nghi thức và lễ tân đối ngoại*, NXB thế giới, Hà Nội.
- 3.Võ Anh Tuấn,(2018),*Lễ tân ngoại giao thực hành*, NXB CTQG sự thật.

3.41.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn

Đánh giá bằng phương pháp thi lý thuyết, trắc nghiệm, vấn đáp, thảo luận nhóm

3.42. Kinh doanh du lịch trực tuyến

3.42.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh doanh du lịch trực tuyến trang bị những kiến thức nền tảng khai thác công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này cũng cung cấp cách tiếp cận hệ thống từ góc độ doanh nghiệp về tư duy cho các nhà quản lý cách thức khai thác công nghệ thông tin một cách hiệu quả, sáng tạo để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh mang tính toàn cầu hiện nay. Nội dung học phần cũng giới thiệu và cho phép sinh viên làm quen với các website và phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực quản lý khách sạn và lữ hành.

3.42.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Hiểu được các kiến thức nền tảng về hệ thống thông tin ngành du lịch, tác động của công nghệ thông tin và truyền thông tới nền kinh tế và các hoạt động kinh doanh, tác động của công nghệ trong việc thực hiện các chiến lược của doanh nghiệp du lịch.

Nắm vững kiến thức về việc sử dụng công cụ công nghệ thông tin và truyền thông như website, mạng xã hội, ứng dụng di động, các phần mềm quản lý trong lĩnh vực kinh doanh ngành du lịch và khách sạn và quản lý điểm đến

3.42.3. Năng lực cần đạt

Kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh và tác động của công nghệ thông tin và truyền thông trong kinh doanh du lịch và khách sạn. Kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong kinh doanh du lịch và khách sạn.

Khả năng cập nhật kiến thức về công nghệ và xu hướng của công nghệ ứng dụng trong kinh doanh du lịch khách sạn, sáng tạo trong việc ứng dụng công nghệ trong kinh doanh

3.42.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.42.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.42.5.1. Tài liệu bắt buộc

3.42.5.2. Tài liệu tham khảo

3.42.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.43. Quản trị du lịch MICE

3.43.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Quản trị MICE” là một trong những môn thuộc hệ thống kiến thức chuyên sâu lựa chọn của chuyên ngành Quản trị khách sạn. Với 3 tín chỉ cho học phần này, nội dung cơ bản của Quản trị Du lịch MICE sẽ bao gồm những phần chính như sau:

- Các khái niệm cơ bản của quản trị MICE và các bước xây dựng một sự kiện nói chung và một hội nghị, hội thảo nói riêng.
- Những nhân tố tác động trực tiếp, gián tiếp tới thị trường du lịch MICE tại Việt Nam, khu vực cũng như những xu thế về du lịch MICE trên thế giới.
- Những yếu tố ảnh hưởng tới việc tổ chức và quản lý, vận hành một hội nghị, hội thảo thành công
- Chương trình sự kiện, cách thức tiến hành kế hoạch marketing và bán dịch vụ MICE
- Áp dụng CNTT trong quản trị MICE trong các khâu từ vận hành tới quản lý.

3.43.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Tư duy tổng hợp, suy luận logic về tổ chức và vận hành 1 sự kiện phù hợp với bối cảnh chung của xã hội cũng như yêu cầu của chủ đầu tư sự kiện. Hiểu và phân tích các nhân tố cấu thành nên thị trường dịch vụ tổ chức sự kiện.

Hiểu và nắm chắc các lý thuyết về kiến thức cơ bản của hệ thống kinh tế, ngành du lịch, kinh doanh du lịch, lưu trú, một số nguyên lý cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, phát triển bền vững áp dụng trong việc tổ chức, vận hành và quản trị du lịch MICE.

Hiểu và nắm chắc kiến thức về một số hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn áp dụng trong các sự kiện ví dụ như lễ tân, tiếp đón, phục vụ ăn uống...

Hiểu và nắm chắc kiến thức về quản trị khách sạn, vận dụng các chức năng tổ chức hoạt động quản trị trong khách sạn, doanh nghiệp lưu trú

3.43.3. Năng lực cần đạt

Có kỹ năng phân tích và đánh giá môi trường kinh doanh, xác định cơ hội và thách thức của thị trường dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo, triển lãm và một số loại hình sự kiện khác.

Có kỹ năng quản lý, điều hành, giám sát hoạt động kinh doanh mảng sự kiện của khách sạn, các cơ sở lưu trú.

Có kỹ năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, hiệu quả kinh doanh dịch vụ tổ chức sự kiện của doanh nghiệp khách sạn.

Có kỹ năng phát triển ý tưởng cho các loại hình sự kiện như hội nghị hội thảo triển lãm, và các loại hình sự kiện khác trong doanh nghiệp khách sạn.

Có kỹ năng thực hiện các hoạt động tác nghiệp nghiệp vụ trong khách sạn phục vụ cho hoạt động tổ chức vận hành sự kiện trong khách sạn như lễ tân, phục vụ ăn uống...

3.43.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

3.43.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.43.5.1. Tài liệu bắt buộc

PGS.TS. Lưu Văn Nghiêm (2009), *Tổ chức sự kiện*, Nxb Kinh tế quốc dân, Hà Nội

3.43.5.2. Tài liệu tham khảo

- GS. TS. Nguyễn Văn Đính; TS. Trần Thị Minh Hoà (2008), “Kinh tế Du lịch”, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

- PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh; TS. Hoàng Thị Lan Hương, 2013, “Quản trị kinh doanh Khách sạn”, Nhà xuất bản Đại học KTQD, Hà Nội.

3.43.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.44. Thực tế nghề nghiệp 1

3.44.1. Tóm tắt nội dung học phần

Giới thiệu cho sinh viên cách xây dựng bài thuyết minh khi di chuyển bằng phương tiện hay tại điểm du lịch. Quy trình thực hiện chuyến tham quan của hướng dẫn viên. Lĩnh vực chuyên môn của Hướng dẫn viên tập trung vào các kiến thức về điểm đến, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và thái độ phục vụ chuyên nghiệp.

3.44.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Giúp sinh viên biết cách viết bài thuyết minh, giới thiệu khi di chuyển trên các phương tiện, tại các điểm du lịch, trên cơ sở chuẩn bị kỹ càng, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về đối tượng tham quan và điểm du lịch. Các kiến thức về sản phẩm du lịch, kiến thức về điểm đến

3.44.3. Năng lực cần đạt

Rèn luyện kỹ năng đọc sách, tra cứu tài liệu, Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng thuyết phục các thành viên trong đoàn tin tưởng vào khả năng xử lý và kinh nghiệm bản thân và là người trực tiếp chăm sóc khách hàng...

3.44.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- GV triển khai các nội dung để sinh viên chuẩn bị các điều kiện cho chuyến đi.
- Kiểm tra các điều kiện đảm bảo chuyến thực tế
- SV thực hiện các nội dung đã xây dựng theo chương trình trong chuyến đi

3.44.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.44.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Bùi Thị Hải Yến (2006), Tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo Dục Việt Nam (Thư viện nhà trường)
- Nguyễn Văn Mạnh (2009), Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân. (Thư viện nhà trường).

3.44.5.2. Tài liệu tham khảo

- Tổng cục Du lịch (2007), Non nước Việt Nam (Thư viện nhà trường)
- Nguyễn Cương Hiền, 101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch, NXB. Văn hóa dân tộc.

3.44.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức thực hiện bài, quá trình thực hiện nghiệp vụ trong chuyến thực tế
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua kế hoạch chuẩn bị và việc thực hiện bài thực hành cũng như báo cáo kết quả chuyến đi.
- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.45. Thực tế nghề nghiệp 2

3.45.1. Tóm tắt nội dung học phần

Giới thiệu cho sinh viên cách xây dựng chương trình du lịch và viết bài thuyết minh khi di chuyển bằng phương tiện hay tại điểm du lịch. Quy trình thực hiện chuyến tham quan của hướng dẫn viên. Lĩnh vực chuyên môn của Hướng dẫn viên tập trung vào các kiến thức về điểm đến, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và thái độ phục vụ chuyên nghiệp.

3.45.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Giúp sinh viên xây dựng được chương trình du lịch dài ngày và viết bài thuyết minh, giới thiệu khi di chuyển trên các phương tiện, tại các điểm du lịch, trên cơ sở chuẩn bị kỹ càng, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về đối tượng tham quan và điểm du lịch. Các kiến thức về sản phẩm du lịch, kiến thức về điểm đến...

3.45.3. Năng lực cần đạt

Rèn luyện kỹ năng đọc sách, tra cứu tài liệu, Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng thuyết phục các thành viên trong đoàn tin tưởng vào khả năng xử lý và kinh nghiệm bản thân và là người trực tiếp chăm sóc khách hàng...

3.45.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- GV triển khai các nội dung để sinh viên chuẩn bị các điều kiện cho chuyến đi.
- Kiểm tra các điều kiện đảm bảo chuyến thực tế
- SV thực hiện các nội dung đã xây dựng theo chương trình trong chuyến đi

3.45.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.45.5.1. Tài liệu bắt buộc

- Bùi Thị Hải Yến (2006), Tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo Dục Việt Nam (Thư viện nhà trường)
- Nguyễn Văn Mạnh (2009), Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân. (Thư viện nhà trường).

3.45.5.2. Tài liệu tham khảo

- Tổng cục Du lịch (2007), Non nước Việt Nam (Thư viện nhà trường)
- Nguyễn Cương Hiền, 101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch, NXB. Văn hóa dân tộc.

3.45.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức thực hiện bài, quá trình thực hiện nghiệp vụ trong chuyến thực tế
- Đánh giá tín chỉ: Đánh giá thông qua kế hoạch chuẩn bị và việc thực hiện bài thực hành cũng như báo cáo kết quả chuyến đi.
- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành
- Điểm của môn học là điểm trung bình trung của tín chỉ và bài thi kết thúc HP

3.46. Thực tập doanh nghiệp 1

3.46.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội được tìm hiểu và tham gia trực tiếp tại các cơ sở, doanh nghiệp du lịch, qua đó sinh viên hiểu được về cơ cấu tổ chức, hoạt động và những vị trí việc làm cũng như cơ hội nghề nghiệp tại các doanh nghiệp du lịch. Từ đó có định hướng phân đầu rõ ràng.

3.46.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Sinh viên thực tập nhận thức nghề nghiệp, thâm nhập thực tế tại đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, bước đầu tìm hiểu các kiến thức cơ bản:
 - Tìm hiểu về ngành Du lịch và cơ hội việc làm trong ngành;
 - Tìm hiểu cách thức tổ chức hoạt của các bộ phận tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành;
 - Tham gia các chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp.

3.46.3. Năng lực cần đạt

Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu những kỹ năng cần thiết của ngành nghề và những kỹ năng khác : như sự tự tin trong ứng xử và giao tiếp, làm việc nhóm, làm quen với môi trường doanh nghiệp, công việc thực tế khi ra trường giúp mở rộng cơ hội việc làm sau khi sinh viên ra trường.

3.46.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Khoa liên hệ điểm thực tập cho sinh viên
- Tập huấn cho sinh viên về các nội dung, yêu cầu, quy định của đợt thực tập doanh nghiệp 1.
- Giảng viên được phân công hướng dẫn có trách nhiệm đưa sinh viên đến doanh nghiệp thực tập và thường xuyên liên hệ với nhóm sinh viên, cơ sở thực tập để nắm bắt tình hình thực tập của sinh viên, giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác thực tập.
- Nhóm trưởng của nhóm thực tập có trách nhiệm báo cáo nhật ký công tác thực tập cho giảng viên hướng dẫn hàng tuần.
- Mỗi sinh viên đến cơ sở thực tập phải chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của cơ sở thực tập về thời gian và kỷ luật lao động; phải thực hiện tốt các yêu cầu của khoa về yêu cầu và nội dung đợt thực tập, phải ghi chép sổ nhật ký thực tập một cách nghiêm túc.
- Giảng viên hướng dẫn tổ chức cho sinh viên tổng kết tại điểm thực tập, lắng nghe các ý kiến nhận xét của cơ sở về chất lượng thực tập của nhóm sinh viên.
- Thời gian nộp báo cáo thực tập doanh nghiệp 1: Sinh viên nộp báo cáo theo đúng thời gian quy định. Những trường hợp nộp trễ sẽ bị trừ 20% điểm.

- Sinh viên nộp báo cáo thực tập kèm theo bảng đánh giá thực tập. Đối với những báo cáo không có bảng đánh giá thực tập sẽ không được công nhận.

- Bộ môn, Khoa Du lịch tổ chức chấm kết quả thực tập doanh nghiệp 1

3.46.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.46.5.1. Tài liệu bắt buộc

3.46.5.2. Tài liệu tham khảo

3.46.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Thực tập doanh nghiệp 1 được coi như một học phần với thời lượng là 02 tín chỉ.
- Điểm thực tập doanh nghiệp 1 gồm điểm đánh giá của đơn vị thực tập (50%) + điểm báo cáo thu hoạch thực tập (50%).
- + Điểm đánh giá của đơn vị thực tập: điểm đánh giá của đơn vị thực tập là điểm số ghi trong Giấy nhận xét (theo mẫu).
- + Điểm báo cáo kết quả thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

3.47. Thực tập doanh nghiệp 2

3.47.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các cơ sở thực tập (công ty du lịch, hãng lữ hành) để rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các hoạt động cụ thể. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động của doanh nghiệp, được bố trí tham gia hướng dẫn du lịch qua một số tour du lịch cụ thể của công ty và làm các công việc khác như thiết kế tour, nhân viên văn phòng, nhân viên tiếp thị du lịch, đặt chỗ các dịch vụ du lịch...

3.47.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Sinh viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp du lịch lữ hành, tiếp cận nghề nghiệp nhằm tiếp cận được các kiến thức cơ bản:
- Hiểu rõ cách thức tổ chức hoạt động của các bộ phận tại doanh nghiệp Du lịch;
- Tham gia các chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp.
- Nâng cao nhận thức về ngành Du lịch và cơ hội việc làm trong ngành;

3.47.3. Năng lực cần đạt

Giúp sinh viên tìm hiểu những kỹ năng cần thiết của ngành nghề và những kỹ năng khác : như sự tự tin trong ứng xử và giao tiếp, làm việc nhóm, làm quen với môi trường doanh nghiệp, công việc thực tế khi ra trường giúp mở rộng cơ hội việc làm sau khi sinh viên ra trường.

3.47.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Thực tập doanh nghiệp 2 được coi như một học phần với thời lượng là 02 tín chỉ.

- Điểm thực tập doanh nghiệp 2 gồm điểm đánh giá của đơn vị thực tập (50%) + điểm báo cáo thu hoạch thực tập (50%).

+ Điểm đánh giá của đơn vị thực tập: điểm đánh giá của đơn vị thực tập là điểm số ghi trong Giấy nhận xét (theo mẫu).

+ Điểm báo cáo kết quả thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

3.47.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.47.5.1. Tài liệu bắt buộc

3.47.5.2. Tài liệu tham khảo

3.47.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Thực tập doanh nghiệp 2 được coi như một học phần với thời lượng là 02 tín chỉ.

- Điểm thực tập doanh nghiệp 2 gồm điểm đánh giá của đơn vị thực tập (50%) + điểm báo cáo thu hoạch thực tập (50%).

+ Điểm đánh giá của đơn vị thực tập: điểm đánh giá của đơn vị thực tập là điểm số ghi trong Giấy nhận xét (theo mẫu).

+ Điểm báo cáo kết quả thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

3.47. Thực tập tốt nghiệp

3.47.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này sẽ được thực hiện tại doanh nghiệp với các phần việc: quan sát các công việc quản lý tại các bộ phận nghiệp vụ hoặc các bộ phận hành chính như kinh doanh, nhân sự, kế toán... của các công ty kinh doanh du lịch. Sau khi quan sát, sinh viên tiếp tục thực hiện một số các công việc hay nhiệm vụ được những người quản lý tại các bộ phận thực tập trên giao phó.

3.47.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Thực tập cuối khoá là giúp sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề tại các công ty, doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Tạo điều kiện để sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận cũng như kỹ năng nghiệp vụ đã được trang bị trong quá trình đào tạo với thực tiễn tại doanh nghiệp. Thông qua kỳ thực tập này sinh viên nâng cao được kỹ năng nghề của mình, giúp sinh viên có được tay nghề vững vàng khi ra trường.

Thông qua kỳ thực tập sinh viên cũng hiểu rõ cơ cấu và hoạt động của doanh nghiệp đồng thời nắm vững các văn bản, qui định của nhà nước về các vấn đề liên quan.

3.47.3. Năng lực cần đạt

Giúp sinh viên rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề và những kỹ năng khác như sự tự tin trong ứng xử và giao tiếp, làm việc nhóm, làm quen với môi trường doanh nghiệp, công việc thực tế khi ra trường giúp mở rộng cơ hội việc làm sau khi sinh viên ra trường”.

3.47.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Sinh viên tự chọn nội dung và tìm địa điểm thực tập. Trong trường hợp sinh viên không thể tìm được nơi thực tập và đề tài, sinh viên phải chủ động báo trước cho Khoa và Bộ môn để Khoa và Bộ môn sắp xếp nơi thực tập cho sinh viên.

- Sinh viên nộp phiếu đăng ký thực tập (theo mẫu chung) về Khoa và Bộ môn
- Bộ môn tổng hợp phiếu đăng ký, đề tài thực tập của sinh viên và phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên;

- Khoa trình Hiệu trưởng ban hành quyết định thực tập cho sinh viên.
- Sinh viên nhận giấy giới thiệu (nếu cần) và quyết định thực tập.
- Sinh viên tiến hành thực tập tại cơ sở đã đăng ký theo quyết định thực tập
- Kết thúc đợt thực tập sinh viên viết báo cáo thực tập (theo mẫu).
- Nộp báo cáo thực tập và Phiếu nhận xét TT cuối khoá theo mẫu về cho Bộ môn.
- Khoa Bộ môn tổ chức đánh giá

3.47.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.47.5.1. Tài liệu bắt buộc

3.47.5.2. Tài liệu tham khảo

3.47.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Thực tập cuối khóa được coi như một học phần với thời lượng là 7 tín chỉ.
- Điểm thực tập cuối khóa gồm điểm chuyên cần (20%) + điểm đánh giá của đơn vị thực tập (60%) + điểm báo cáo thu hoạch thực tập (20%).

+ Điểm chuyên cần: giảng viên hướng dẫn sẽ theo dõi, kiểm tra quá trình thực tập của sinh viên và chấm điểm chuyên cần. Sinh viên phải liên hệ, trao đổi với giảng viên hướng dẫn theo quy định.

+ Điểm đánh giá của đơn vị thực tập: điểm đánh giá của đơn vị thực tập là điểm số ghi trong Giấy nhận xét (theo mẫu).

+ Điểm báo cáo kết quả thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

3.48. Báo cáo tốt nghiệp

3.48.1. Tóm tắt nội dung học phần

Báo cáo tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập

3.43.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu.

Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực du lịch.

3.43.3. Năng lực cần đạt

Sinh viên có kỹ năng lựa chọn và thiết lập một đề tài nghiên cứu. Sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê để xử lý, phân tích dữ liệu

3.43.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.

- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

- Giảng viên hướng dẫn chịu trách nhiệm trước trường bộ môn, khoa và Hiệu trưởng trong việc quản lý, hướng dẫn đối với những sinh viên được phân công. Phối hợp với nơi sinh viên thực hiện kiểm tra đề tài nghiên cứu.

3.43.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

3.43.5.1. Tài liệu bắt buộc

3.43.5.2. Tài liệu tham khảo

3.43.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

Đánh giá báo cáo tốt nghiệp

4. Quy định đánh giá học phần

4.1. Đối với học phần lý thuyết

** Điểm đánh giá chuyên cần:*

- + Đánh giá ý thức học tập của người học bao gồm: có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...).

- + Người học phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

- + Người học không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

** Điểm đánh giá giữa học phần:*

- + Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 : 1 lần kiểm tra

- + Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 : 2 lần kiểm tra (Điểm đánh giá giữa kỳ là trung bình cộng 2 lần kiểm tra).

Điểm giữa kỳ giảng viên phải nộp về cho giáo vụ khoa và nộp về phòng Quản lý Đào tạo ngay sau khi kết thúc thi giữa học phần 1 tuần.

** Điểm đánh giá cuối kỳ:* Điểm đánh giá cuối kỳ là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường và được thực hiện theo các hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, bài tập lớn (Hình thức đánh giá do Bộ môn quy định, ghi rõ trong Đề cương học phần đã được phê duyệt).

4.2. Đối với học phần thực hành và các học phần lý thuyết + thực hành

* *Điểm đánh giá chuyên cần:*

+ Đánh giá ý thức học tập của người học bao gồm: có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...).

+ Người học phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện tính điểm đánh giá kết thúc học phần.

+ Người học không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

* *Điểm đánh giá giữa học phần:* Đánh giá quá trình theo tín chỉ

* *Điểm đánh giá cuối học phần học phần thực hành:* Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

* *Điểm đánh giá cuối học phần học phần lý thuyết và thực hành:* Nếu số lượng loại tín nào nhiều hơn thì sẽ thi kết thúc học phần theo loại tín chỉ đó; nếu tỷ lệ tín chỉ thực hành và lý thuyết bằng nhau thì sẽ thi theo hình thức thực hành.

Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập

4.3. Thống kê hình thức đánh giá các học phần

TT	Mã HP	Tên HP	Hình thức đánh giá			Ghi chú
			CC	Giữa HP	Kết thúc HP	
1.	ĐC001	Triết học Mác - Lê nin	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
2.	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học - phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
3.	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
4.	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
5.	ĐC005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Trắc nghiệm	
7.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
8.	NN001	Tiếng Anh 1	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học	Vấn đáp	Vấn đáp	

			phần			
9.	NN002	Tiếng Anh 2	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Vấn đáp	Vấn đáp	
10.	NN003	Tiếng Anh 3	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Vấn đáp	Vấn đáp	
11.	ĐC012	Tin học	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
12.	GDTC	Giáo dục thể chất	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
13.	GDQP	Quốc phòng - An ninh	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
14.	DL001	Tổng quan du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
15.	QLH003	Kinh tế du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
16.	DL002	Văn hóa Du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
17.	DL003	Địa lý du lịch Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
18.	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận	
19.	DL004	Di tích và danh thắng Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Tự luận/ vấn đáp	
20.	DL009	Văn hóa ẩm thực	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
21.	QVH002	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
22.	DL016	Văn hóa giao tiếp	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Tiểu luận/ Thực hành	
23.	QLH002	Marketing du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	

			phần			
24.	DL012	Du lịch bền vững	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
25.	QVH007	Văn hóa Đông Nam Á	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
26.	QVH003	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
27.	DL014	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
28.	DL006	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Tiểu luận/ Thực hành	
29.	DL007	Tâm lý khách du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
30.	TA5031	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Vấn đáp	
31.	TA5032	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Vấn đáp	
32.	QLH008	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
33.	DL008	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
34.	QVH022	Tổ chức sự kiện	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
35.	DL026	Nghiep vụ hướng dẫn tại điểm	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
36.	DL027	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Thực hành	
37.	DL013	Du lịch văn hóa	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
38.	DL 024	Du lịch cộng đồng	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	

			phần			
39.	QKS 004	Thanh toán quốc tế trong du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
40.	QLH007	Quản trị kinh doanh lễ hành	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
41.	DL028	Quản lý Nhà nước về du lịch	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
42.	DL015	Lễ tân ngoại giao	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận/ Tiểu luận	
43.	DL023	Kinh doanh du lịch trực tuyến	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận	
44.	QKS022	Quản trị Du lịch MICE	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Tự luận	
45.	DL020	Thực tế nghề nghiệp 1 (Thực tế miền Bắc)	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Báo cáo	
46.	DL021	Thực tế nghề nghiệp 2 (Thực tế miền Nam)	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Báo cáo	
47.	DL017	Thực tập doanh nghiệp 1	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Báo cáo	
48.	DL018	Thực tập doanh nghiệp 2	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Báo cáo	
49.	DL022	Thực tập tốt nghiệp	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Đánh giá quá trình theo tín chỉ	Báo cáo	
50.	DL026	Báo cáo tốt nghiệp				

5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu

- Phòng học lý thuyết
- Phòng học thực hành
- Phòng máy tính
- Nhà tập đa năng, sân bóng
- Thư viện

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình

6.1. Chương trình đào tạo đại học Du lịch quy định nội dung tổng thể các hoạt động giáo dục của một khóa học thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bổ thời gian theo quy định, căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số: 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Đồng thời chương trình được thiết kết căn cứ theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/0/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; Luật Giáo dục Đại học số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDĐT ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Giờ quy đổi tính theo quy định trong Quyết định số: 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- 1 TC = 15 tiết giảng hay thảo luận trên lớp;
- = 30 giờ thí nghiệm, thực hành;
- = 60 giờ thực tập tại cơ sở;
- = 45 giờ làm đồ án, khóa luận.
- 1 giờ lý thuyết = 50 phút.

6.2. Chương trình được thiết kế theo ngành học:

Quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành kèm theo.

6.3. Thời gian và kế hoạch đào tạo

- Một năm học có hai kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài hai học kỳ chính, hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm 1 học kỳ hè để người học có các học phần bị đánh giá không đạt ở các học kỳ chính được học lại. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra.

- Các học phần, các nội dung hoạt động trong toàn khóa học phải được bố trí sắp xếp, lên kế hoạch hợp lý theo trình tự thời gian thành quy trình đào tạo một cách khoa học do hiệu trưởng quyết định

- Các HP bắt buộc thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương là kiến thức bắt buộc. Thời lượng và nội dung của các học phần này theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo.

6.4. Điều kiện thực hiện

- *Về giảng viên:*

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình phải có trình độ thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch, lữ hành và khách sạn, đã qua nghiệp vụ sư phạm, có lòng yêu nghề và nhiệt huyết với sự nghiệp giáo dục. Ngoài giảng viên cơ hữu, định kỳ nhà trường mời giảng viên thỉnh giảng của các trường đại học chuyên ngành có kinh nghiệm hoặc chuyên gia của các tập đoàn, công ty có uy tín tham gia giảng dạy, hội thảo chuyên đề hoặc giao lưu với người học đối thoại trực tiếp về định hướng nghề nghiệp.

- *Về phương pháp giảng dạy:*

Chủ yếu áp dụng các phương pháp giảng dạy thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề, thị phạm mẫu, đóng vai ...phát huy tích cực của người học, với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Phát huy tính chủ động, sáng tạo đối với người học trong việc tiếp cận, chiếm lĩnh tri thức bài giảng, đặc biệt đối với các học phần chuyên ngành, tăng cường rèn luyện kỹ năng thực hành và thực tế tại cơ sở.

- *Về phương tiện giảng dạy và học tập:*

Đảm bảo về tiêu chuẩn phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng học đa năng đối với các trang thiết bị đa phương tiện (máy tính, máy chiếu, máy nghe, tivi, máy photo, máy scan, máy ảnh...) nhằm hỗ trợ người dạy và người học khai thác tối đa các ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ người dạy và người học trong quá trình giảng dạy và học tập.

6.5. Quy trình tổ chức đào tạo:

Thực hiện theo Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDĐT ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

6.6. Việc tổ chức kiểm tra và thi học phần:

Thực hiện theo Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDĐT ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

6.7. Việc tổ chức thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

6.8. Phòng Quản lý Đào tạo:

Theo dõi các khoa chuyên môn liên quan thực hiện các hoạt động dạy và học điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo theo yêu cầu thực tế đáp ứng nhu cầu xã hội.

6.9. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo để triển khai thực hiện trong phạm vi nhà trường./.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Lê Thanh Hà